ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 546 /ĐA-UBND	*Hải Lăng, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

Số: 13316
Ngày 09/6
Chuyển:
Lưu hồ sơ:

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Huyện Hải Lăng nằm ở phía Nam của tỉnh Quảng Trị, gồm có 15 xã và 01 thị trấn. Tổng diện tích tự nhiên 42.479,70 ha *(đất nông nghiệp 83,3%)*. Dân số toàn huyện 81.833 người *(nông thôn 96,16%)*. Lao động trong độ tuổi 38.965 người *(nông thôn 95,81%)*. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12,05%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó: NLN 26,46%; CN-TTCN&XD 37,65%; Thương mại - Dịch vụ 35,89%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 58,7 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo 4,49%.

Những năm qua cùng với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới đất nước; nông nghiệp, nông dân, nông thôn của huyện tiếp tục có những bước phát triển. Công cuộc xây dựng nông thôn mới đã đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đã đề ra trước 01 năm. Bên cạnh đó, việc hình thành Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị hay dự án VISIP 8 và các tuyến giao thông trọng điểm đi qua *(QL 1A, đường cao tốc Cam Lộ-La Sơn, Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay và cảng Mỹ Thủy, ...)* mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế của huyện trong những năm tới, tạo sự kết nối giao thương quan trọng và đưa các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện đến với thị trường trong và ngoài nước. Đây là nền tảng và động lực to lớn để đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện nhà tiếp tục phấn đấu hoàn thành mục tiêu mới, đó là xây dựng huyện Hải Lăng trở thành huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

Tuy nhiên, công tác xây dựng nông thôn mới đang còn nhiều điểm hạn chế, khó khăn, thách thức như: Hiện trạng một số tiêu chí huyện, xã nông thôn mới đạt chuẩn ở mức tối thiểu, thiếu bền vững; công tác quy hoạch thiếu chặt chẽ, chưa có quy hoạch vùng của huyện; chưa hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít; việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế; vấn đề môi trường vẫn đang còn nhiều thách thức, chưa có mô hình điểm kiểu mẫu để nhân rộng; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong giai đoạn 2010-2020, khắc phục những hạn chế, vượt qua thách thức, huyện Hải Lăng tiếp tục đoàn kết, quyết tâm phấn đấu huy động mọi nguồn lực tập trung chỉ đạo xây dựng đạt chuẩn Huyện nông thôn mới, UBND huyện ban hành Đề án Huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn";

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 2790/HD-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 154/TB-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 01-TB/BCĐ ngày 06/3/2020 của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Hải Lăng; Thông báo số 113/TB-UBND ngày 25/3/2020 của UBND huyện Hải Lăng về nội dung xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN HẢI LĂNG GIAI ĐOẠN 2010-2020

I. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn", Quyết định số

491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; huyện Hải Lăng đã cụ thể hóa bằng Chương trình hành động số 16-CTr/HU ngày 24/4/2009 về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn", Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 29/6/2012 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020.

Huyện đã thành lập các Tổ công tác tổ chức khảo sát thực trạng NTM tại địa bàn các xã, ban hành Đề án XD NTM giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020; chọn 5 xã[1] xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2015.

Thành lập Bộ máy chỉ đạo, quản lý Chương trình, bao gồm: BCĐ xây dựng NTM, Tổ chỉ đạo xã XD NTM, VPĐP xây dựng NTM cấp huyện; BCĐ, BQL XD NTM cấp xã và Ban phát triển các thôn. Thành lập Tổ thẩm định Đồ án quy hoạch, Đề án XD NTM, các Tổ công tác đại diện các phòng, ban chuyên môn của huyện để phối hợp, giúp đỡ xã trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung Đồ án quy hoạch và Đề án NTM. Thành lập các Tổ chỉ đạo xây dựng NTM tham gia sinh hoạt chi bộ nông thôn để theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở trong công tác xây dựng NTM.

Chỉ đạo thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới kết hợp với việc triển khai Bộ tiêu chí *"thôn NTM"*, *"gia đình NTM"*; 6 nội dung *"chỉnh trang nông thôn[2]"*, *"ngày NTM"*, *"ngày thứ 7 tình nguyện vì nông thôn mới"* và xây dựng *"tuyến đường kiểu mẫu"* của huyện. Phong trào *"Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới"* gắn với cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"* được thực hiện thường xuyên nhằm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia.

Mặc dù vậy, quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới tại địa phương bước đầu gặp rất nhiều khó khăn như: hầu hết các xã chỉ đạt các tiêu chí về điện, bưu điện, hình thức tổ chức sản xuất, văn hóa, an ninh, trật tự xã hội; các tiêu chí hạ tầng kinh tế xã hội đạt thấp, đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn; vấn đề môi trường chưa đảm bảo,... Số tiêu chí bình quân chỉ đạt 5,05 tiêu chí/xã, 18,42 chỉ tiêu/xã, trong đó có 2 xã đạt cao nhất chỉ 8 tiêu chí, cụ thể: 2 xã *(Hải Thượng, Hải Ba)* đạt 8 tiêu chí, 1 xã *(Hải Phú)* đạt 7 tiêu chí, 5 xã *(Hải Lâm, Hải Chánh, Hải Hòa, Hải Quy, Hải Tân)* đạt 6 tiêu chí, 2 xã *(Hải Thọ, Hải Sơn)* đạt 5 tiêu chí, 7 xã *(Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương, Hải Thiện, Hải Trường, Hải An, Hải Khê)* đạt 4 tiêu chí, 1 xã *(Hải Xuân)* đạt 3 tiêu chí, 1 xã *(Hải Thành)* đạt 2 tiêu chí.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đánh giá chung

Thu nhập bình quân đầu người đến nay đạt 58,7 triệu đồng/người/năm, tăng 46,16 triệu đồng so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo 4,49% giảm 7,57% so với năm 2010; số tiêu chí xã NTM bình quân đạt 17,26 tiêu chí/xã, 46,11 chỉ tiêu/xã tăng 12,21 tiêu chí/xã, 27,69 chỉ tiêu/xã so với khi bắt đầu triển khai Chương trình và không còn xã đạt dưới 12 tiêu chí. Đến tháng 12/2019, toàn huyện có 12/19 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 63,16% gồm: Hải Thượng, Hải Phú *(năm 2015)*; Hải Tân,

---

[1] 05 xã: Hải Thượng, Hải Phú, Hải Lâm, Hải Tân *(nay là xã Hải Phong)*, Hải Ba.

[2] 6 chủ đề gồm: Phát quang, hiến đất, mở rộng nền đường; thắp sáng đường quê; sửa sang nhà cửa; cải tạo vườn tạp; chỉnh trang hàng rào, cổng; xây dựng, cải tạo chuồng trại chăn nuôi.

Hải Lâm *(năm 2016)*; Hải Hòa, Hải Quế *(năm 2017)*; Hải Dương, Hải Vĩnh, Hải Thọ *(năm 2018)*; Hải Sơn, Hải Trường, Hải Ba *(năm 2019)*. Sau khi sáp nhập *(01/3/2020)*, huyện có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 15 xã, 01 thị trấn; phấn đấu đến cuối năm 2020, có thêm 2 xã *(Hải Quy, Hải Hưng)* đạt chuẩn NTM sẽ nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn huyện lên 11/15 xã, đạt tỷ lệ 73,33% và có từ 1-2 xã *(Hải Thượng, Hải Phú)* đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.

(Chi tiết phụ lục 02, 03 kèm theo)

Kinh tế xã hội có bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh được giữ vững; xây dựng nông thôn mới đảm bảo theo quy hoạch; nhiều tuyến đường giao thông nông thôn, nội đồng được cứng hóa, mở rộng; các công trình thiết yếu, các thiết chế văn hóa được đầu tư mới, đảm bảo; cảnh quan môi trường từng bước được cải thiện; phong trào *"Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới"* gắn với *"chỉnh trang nông thôn"* được triển khai sâu rộng, đã có nhiều cách làm hay, sáng tạo, nhiều mô hình hiệu quả trong xây dựng NTM được nhân rộng; thu hút được sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân, đã có nhiều tập thể, cá nhân tích cực tham gia hiến đất, đóng góp vật chất, tinh thần xây dựng nông thôn mới.

2. Đánh giá hiện trạng tiêu chí Huyện nông thôn mới

Theo kết quả rà soát, đánh giá Bộ tiêu chí huyện NTM tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay huyện đạt 4/9 tiêu chí, 7/14 chỉ tiêu gồm: tiêu chí số 3 *(Thủy lợi)*, tiêu chí số 4 *(Điện)*, tiêu chí số 8 *(An ninh, trật tự xã hội)*, tiêu chí số 9 *(Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới)*; 5/9 tiêu chí, 7/14 chỉ tiêu chưa đạt gồm: tiêu chí số 1 *(Quy hoạch)*, tiêu chí số 2 *(Giao thông)*, tiêu chí số 5 *(Y tế, Văn hóa, Giáo dục)*, tiêu chí số 6 *(Sản xuất)* và tiêu chí số 7 *(Môi trường)*, các chỉ tiêu chưa đạt cụ thể:

- Tiêu chí số 1 (Quy hoạch): có 1/1 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 1.1 *(Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt)*.

- Tiêu chí số 2 (Giao thông): có 1/2 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 2.2 *(Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch)*.

- Tiêu chí số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục): có 2/3 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn gồm: chỉ tiêu 5.2 *(Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động VHTT kết nối với các xã có hiệu quả)* và chỉ tiêu 5.3 *(Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn)*.

- Tiêu chí số 6 (Sản xuất): có 1/1 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn là chỉ tiêu 6.1 *(Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện)*.

- Tiêu chí số 7 (Môi trường): có 2/2 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn gồm: chỉ tiêu số 7.1 *(Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn)* và chỉ tiêu 7.2 *(Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường)*.

(Chi tiết phụ lục 04 và 05 kèm theo)

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, khuyết điểm

Hiện trạng các tiêu chí huyện NTM đạt thấp, công tác quy hoạch vùng của huyện chưa được xây dựng; tỷ lệ km mặt đường huyện chưa được nhựa hóa hoặc BTXM hóa 100%; chưa có Trung tâm văn hóa thể thao huyện, tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn thấp; chưa có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện; hệ thống xử lý nước thải một số cơ sở sản xuất, làng nghề, cụm công nghiệp chưa được xử lý, đầu tư xây dựng; việc thu gom, xử lý chất thải một số xã chưa đảm bảo.

Trách nhiệm của một số cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy chưa cao. Việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết, chuyên đề về XD NTM ở một số cấp ủy đảng chưa đi vào chiều sâu; phương pháp, kiến thức và kỹ năng truyền đạt còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ở một số nơi *(thành viên trong BCĐ)* chưa thực sự sâu sát và đôi khi có biểu hiện hành chính hoá; chất lượng, hiệu quả của một số phong trào, cuộc vận động chưa cao. Vai trò giám sát, phản biện xã hội về NTM có lúc chưa được phát huy, hiệu quả thấp.

Nội lực của địa phương chưa được phát huy tối đa; việc tham gia đóng góp của các doanh nghiệp vào xây dựng NTM còn ít. Nguồn lực đầu tư xây dựng NTM trên địa bàn các xã còn khó khăn, đặc biệt là nhóm tiêu chí hạ tầng KT-XH.

Một số xã đạt chuẩn NTM có dấu hiệu chững lại, chỉ đạo thiếu quyết liệt sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM dẫn đến chất lượng một số tiêu chí NTM bị sụt giảm. Công tác lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo số liệu NTM hàng năm ở một số cấp xã, thôn chất lượng chưa cao.

Hoạt động của một số BCĐ XD NTM xã chưa tích cực; việc xây dựng kế hoạch thực hiện tuyến đường kiểu mẫu ở một số xã còn mang tính hình thức, chưa có giải pháp, thiếu tính sáng tạo, chủ đề cụ thể để thực hiện. Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có tuyến đường kiểu mẫu đạt chuẩn.

2. Nguyên nhân

Mặc dù thời gian qua, công tác đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng NTM đã được quan tâm, cải thiện. Song do huyện có xuất phát điểm thấp, địa bàn rộng, kết cấu hạ tầng KT-XH chưa đảm bảo dẫn đến nhu cầu nguồn vốn đầu tư đạt chuẩn lớn trong khi nguồn lực của huyện còn hạn chế, khó khăn.

Một số cán bộ chủ chốt ở cơ sở thiếu gương mẫu, tích cực, năng động sáng tạo, chưa bám sát nhiệm vụ và sự chỉ đạo của cấp trên trong quá trình thực hiện Chương trình. Mặt trận, đoàn thể ở một số nơi chưa nắm rõ, đầy đủ kiến thức, văn bản về XD NTM nên quá trình tuyên truyền, vận động chưa đi sâu vào thực tiễn; giám sát, phản biện xã hội mang lại hiệu quả chưa cao.

Một số xã xây dựng kế hoạch thiếu cụ thể, rõ ràng trong huy động nguồn lực, các doanh nghiệp chưa quan tâm đến XD NTM. Hầu hết các xã có xuất phát điểm kinh tế thấp, địa bàn rộng, kết cấu hạ tầng KT-XH chưa đảm bảo dẫn đến nhu cầu nguồn lực để đầu tư xây dựng NTM lớn.

Một số xã thiếu quan tâm, chỉ đạo thiếu quyết liệt, xem nhiệm vụ về đích xây dựng NTM là nhiệm vụ chính mà ít xem trọng việc duy trì, nâng cao các tiêu chí

sau khi đã về đích NTM. Trình độ, năng lực của một số Ban Phát triển thôn còn hạn chế; tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ chuyên trách NTM cấp xã chưa cao và kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau ngoài lĩnh vực NTM.

Ban chỉ đạo xây dựng NTM một số xã chưa thực sự quan tâm, chưa có kế hoạch cụ thể, rõ ràng và chỉ đạo thiếu quyết liệt trong việc thực hiện phong trào thi đua, đặc biệt là công tác chỉnh trang nông thôn, ngày NTM, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu. Việc ra quân thực hiện *"ngày thứ 7 tình nguyện vì nông thôn mới"* của các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện chưa được triển khai thường xuyên, đồng bộ.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng huyện nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, là quá trình triển khai liên tục, chỉ có điểm khởi đầu và không có thời gian kết thúc. Kết quả xây dựng huyện nông thôn mới phải đảm bảo bền vững, hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; không chạy theo thành tích, không huy động quá sức dân và không để nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tiếp tục kế thừa và phát huy những thế mạnh vốn có của địa phương, các kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2010-2020 để tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; lấy phát triển sản xuất làm gốc, lấy tiêu chí thu nhập làm mục tiêu chính, trong đó chú trọng phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nhân rộng các mô hình liên kết bền vững trong sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

Đẩy mạnh phong trào thi đua *"Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới"* giai đoạn 2020-2025. Tập trung chỉ đạo xây dựng "điểm" các thôn NTM kiểu mẫu, tạo nét đẹp nổi bậc riêng, kết hợp với việc thực hiện ngày NTM và xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu. Chỉ đạo quyết liệt thực hiện 6 nội dung chỉnh trang nông thôn theo phương châm: "Sạch từ nhà ra cửa ngõ, sạch từ ngõ ra đường", "Huy động lực lượng tại chỗ là chính, dựa vào sức dân để chăm lo cuộc sống cho dân".

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát huy vai trò, hiệu quả chỉ đạo của BCĐ từ huyện đến cơ sở. Huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hoàn thiện các tiêu chí huyện, xã nông thôn mới đạt theo chuẩn mới; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao và liên doanh liên kết; đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương để tạo bước đột phá trong nông nghiệp, gắn nông nghiệp với thương mại, dịch vụ nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững. Giữ vững, ổn định

tình hình nông thôn, bản sắc văn hóa dân tộc; phấn đấu nhiều xã, thôn được chỉnh trang nông thôn theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp, có diện mạo mới, đặc thù của địa phương, môi trường sinh thái được bảo vệ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025, huyện Hải Lăng đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

* Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó:

- Có thêm 4 xã: Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê đạt chuẩn nông thôn mới;

- 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tiếp tục duy trì đạt chuẩn và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới.

* Hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, trong đó:

- Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thành 5 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: tiêu chí số 1 *(Quy hoạch)*, tiêu chí số 2 *(Giao thông)*, tiêu chí số 5 *(Y tế, Văn hóa, Giáo dục)*, tiêu chí số 6 *(Sản xuất)*, tiêu chí số 7 *(Môi trường)*.

- Duy trì, nâng cao chất lượng 4 tiêu chí đã đạt chuẩn gồm: tiêu chí số 3 *(Thủy lợi)*, tiêu chí số 4 *(Điện)*, tiêu chí số 8 *(An ninh, trật tự xã hội)*, tiêu chí số 9 *(Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới)*.

* Có 30% số xã *(tương đương 4-5 xã)* đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 25% số thôn (17 thôn) đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

* Mỗi xã đăng ký ít nhất 01 tuyến đường kiểu mẫu của xã xây dựng đạt chuẩn theo quy định.

* Thu nhập bình quân trên đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Xây dựng các xã đạt chuẩn nông thôn mới

1.1. Nhiệm vụ

Tập trung chỉ đạo 4 xã: Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện lên 15 xã *(đạt tỷ lệ 100%)*, trong đó: xã Hải Định phấn đấu về đích năm 2021; xã Hải An phấn đấu về đích năm 2022; xã Hải Khê, Hải Chánh phấn đấu về đích năm 2023.

1.2. Giải pháp

a. Chỉ đạo hoàn thiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (nếu có).

*** Đối với xã Hải Định:** Chỉ đạo thực hiện hoàn thành 3 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 2 *(Giao thông)*, tiêu chí số 5 *(Trường học)* và tiêu chí số 6 *(Cơ sở vật chất văn hóa)*.

- Bê tông hóa hoặc nhựa hóa 4,45 km đường xã để đạt tỷ lệ 100%; BTH 200m đường trục thôn *(đã thực hiện 10,4 km/12,31 km, đạt tỷ lệ 84%)* để đạt tỷ lệ 85%. Cứng hóa bằng đổ, cấp phối 8,29 km *(đã cấp phối 17 km/25,29 km, đạt tỷ lệ 67,24%)* các tuyến đường trục chính nội đồng để đạt chuẩn tiêu chí giao thông.

- Xây dựng 6 phòng học tập điểm trường THCS Hải Thiện; 4 phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải Thiện để đạt chuẩn tiêu chí trường học.

- Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Trung Đơn, sân thể thao thôn Phước Điền và mua sắm một số dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em trên địa bàn xã để đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

*** Đối với xã Hải Chánh:** Chỉ đạo hoàn thành 7 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 2 *(Giao thông)*, tiêu chí số 5 *(Trường học)*, tiêu chí số 6 *(Cơ sở vật chất văn hóa)*, tiêu chí số 8 *(Thông tin và truyền thông)*, tiêu chí số 13 *(Tổ chức sản xuất)*, tiêu chí số 15 *(Y tế)*, tiêu chí số 17 *(Môi trường và An toàn thực phẩm)*.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các tuyến đường giao thông không cần thiết trong đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 để giảm kinh phí đầu tư, phù hợp với nguồn lực của xã.

- Xây dựng mới các phòng học bộ môn trường TH&THCS Hải Chánh; nâng cấp phòng học, sân chơi trường mầm non khu vực Câu Nhi, nhà ăn trường Mầm non khu vực Mỹ Chánh.

- Xây dựng sân thể thao xã Hải Chánh; xây dựng nhà văn hóa thôn Mỹ Chánh; nâng cấp nhà văn hóa thôn Tây Chánh, Hội Kỳ; xây dựng khu vệ sinh của nhà văn hóa thôn Xuân Lộc, Nam Chánh, Tân Phong; xây dựng sân thể thao thôn Nam Chánh, Tây Chánh, Tân Phong, Hội Kỳ, Xuân Lộc để đạt chuẩn tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

- Xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề Chổi đót Văn Phong đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tranh thủ nguồn vốn sự nghiệp phân bổ hàng năm để đầu tư mới Đài truyền thanh xã. Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình Italy để đầu tư xây dựng mới trạm Y tế xã đạt chuẩn quy định.

- Vận động các hộ hình thành THT tích tụ ruộng đất để sản xuất lúa tập trung, liên kết tiêu thụ sản phẩm vì xã Hải Chánh có địa bàn rộng, địa hình khá phức tạp *(ruộng sản xuất cách xa nơi sinh sống của các hộ sản xuất, giao thông đi lại khó khăn...)*. Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tăng cường thực hiện công tác vệ sinh môi trường, ngày nông thôn mới và chỉnh trang nông thôn để tạo diện mạo sáng, xanh, sạch, đẹp hơn.

*** Đối với xã Hải An:** Chỉ đạo hoàn thành 6 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 5 *(Trường học)*, tiêu chí số 6 *(Cơ sở vật chất văn hóa)*, tiêu chí số 11 *(Hộ nghèo)*, tiêu chí số 13 *(Tổ chức sản xuất)*, tiêu chí số 17 *(Môi trường và An toàn thực phẩm)*, tiêu chí số 19 *(Quốc phòng và An ninh)*.

- Tranh thủ nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh và các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng các công trình trường học, cơ sở vật chất văn hóa đạt chuẩn. Xây dựng phòng học tập, hỗ trợ học tập 2 điểm trường TH&THCS Hải An; phòng làm việc, phòng học tập điểm trường Mầm non Tây Tân An. Xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao xã; nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thuận Đầu; sân thể thao thôn Đông Tân An, Tây Tân An; mua sắm các dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án trong chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 80 hộ *(5,76%)* xuống dưới 70 hộ *(dưới 5%)* để đạt chuẩn tiêu chí số 11 *(Hộ nghèo)*.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các loại hình kinh tế tập thể, hoạt động của Tổ hợp tác. Chỉ đạo thành lập mới ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động theo luật năm 2012. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ hợp tác thu mua hải sản Hải An, liên kết thu mua sản phẩm khai thác của người dân đảm bảo bền vững.

- Tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ. Tổ chức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản trên địa bàn ký cam kết bảo vệ môi trường. Tăng cường các hoạt động vệ sinh môi trường, chỉnh trang nông thôn thông qua ngày nông thôn mới.

- Xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề truyền thống Nước mắm Mỹ Thủy theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** Đối với xã Hải Khê:** Chỉ đạo hoàn thành 5 tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn gồm: Tiêu chí số 5 *(Trường học)*, tiêu chí số 6 *(Cơ sở vật chất văn hóa)*, tiêu chí số 11 *(Hộ nghèo)*, tiêu chí số 13 *(Tổ chức sản xuất)* và tiêu chí số 17 *(Môi trường và An toàn thực phẩm)*.

- Tạo điều kiện thuận lợi triển khai xây dựng đạt chuẩn trường Mầm non, trường TH&THCS Hải Khê thuộc dự án Khu tái định cư Hải Khê. Tranh thủ nguồn vốn phân bổ NTM hàng năm của Trung ương, tỉnh để xây dựng sân thể thao thôn Trung An; mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án trong chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025. Chỉ đạo các đoàn thể huyện phối hợp với các đoàn thể ở xã, thôn đảm nhận, giúp đỡ hội viên thoát nghèo. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% *(theo chuẩn nghèo từng giai đoạn)*.

- Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hướng dẫn xã thành lập Hợp tác xã và xây dựng ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo bền vững.

- Tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ. Tuyên truyền, vận động và tổ chức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản trên địa bàn ký cam kết bảo vệ môi trường. Tăng cường các hoạt động vệ sinh môi trường, chỉnh trang nông thôn thông qua việc thực hiện ngày nông thôn mới và xây dựng tuyến đường kiểm mẫu.

b. Một số giải pháp chung:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM. Tổ chức lễ phát động, ký cam kết xây dựng xã đạt chuẩn NTM theo năm đăng ký về đích nông thôn mới.

- Tổ chức rà soát quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng NTM phù hợp giai đoạn 2020-2025; chỉ đạo

tổ chức niêm yết, công khai và cắm mốc chỉ giới theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

- Rà soát quỹ đất, điều chỉnh mục đích sử dụng đất *(trường hợp cần thiết)*, tổ chức đấu giá QSD đất để có nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình NTM, trong đó ưu tiên các tiêu chí chưa đạt chuẩn.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới đã đạt chuẩn, không để sụt giảm các tiêu chí. Đặc biệt quan tâm đến các tiêu chí đạt thiếu bền vững như: hệ thống chính trị, quốc phòng và an ninh, môi trường.

- Đối với 2 xã vùng biển: Hải An và Hải Khê nằm trong vùng quy hoạch xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị nên việc phấn đấu các tiêu chí như số 3,13,17 đang gặp một số khó khăn nhất định. Khi thực hiện di dời, quy hoạch lại khu dân cư cần quan tâm công tác quy hoạch vùng sản xuất tập trung và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất đảm bảo quy định. Bên cạnh đó, chỉ đạo áp dụng Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới dành cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 để thực hiện. Chỉ đạo các thôn rà soát, xây dựng lộ trình phấn đấu đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

2. Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới của các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025, trong đó: tập trung chỉ đạo xã Hải Thượng xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020; xã Hải Phú, Hải Dương xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2021; xã Hải Phong xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2022 và xã Hải Hưng xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2023. Phấn đấu đến năm 2025, huyện có 30% số xã *(từ 4-5 xã)* đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Chỉ đạo, phân công các xã tập trung xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu của xã, thôn theo kế hoạch, kết hợp thực hiện *"ngày NTM"*, *"chỉnh trang nông thôn"* theo hướng *"sáng, xanh, sạch, đẹp"* nhằm tạo điểm nhấn, nét nổi bậc riêng của từng xã. Tuyến đường kiểu mẫu của các xã đã đăng ký phải hoàn thành trước năm 2025, riêng đối với các xã dự kiến về đích NTM kiểu mẫu phải đạt chuẩn trước thời điểm công nhận xã kiểu mẫu *(Chi tiết phụ lục 6 đính kèm).*

- Chỉ đạo 25% số thôn *(17 thôn)* xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025, trong đó: tập trung chỉ đạo "điểm" thôn Đại An Khê *(Hải Thượng)* và thôn Hưng Nhơn *(Hải Phong)* xây dựng NTM kiểu mẫu năm 2020; từ năm 2021-2025 xác định cụ thể 15 thôn còn lại để chỉ đạo xây dựng đạt chuẩn.

- Tăng cường thực hiện *"ngày thứ Bảy tình nguyện vì nông thôn mới"* theo Công văn số 471-CV/HU ngày 07/6/2019 của Huyện ủy. Các cơ quan, đơn vị huyện cử cán bộ chuyên môn bám sát cơ sở để kiểm tra, hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu NTM thuộc lĩnh vực phụ trách và tham gia cùng với cơ sở thực hiện chỉnh trang nông thôn, ngày nông thôn mới.

- Tranh thủ nguồn vốn của ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM hàng năm để lồng ghép với nguồn đấu đất của xã, nguồn vốn huy động trong dân, các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác để duy tu, bảo dưỡng, đầu tư mở rộng, nâng cấp các hạng mục công trình xuống cấp, công trình đạt theo chuẩn mới. Đối với các xã đăng ký về đích xã

NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2020-2025, hàng năm huyện sẽ rà soát đề nghị cấp trên hỗ trợ theo quy định, đồng thời cân đối ngân sách huyện hỗ trợ đạt chuẩn.

3. Thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới

Huy động tối đa mọi nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt đạt chuẩn 5 tiêu chí huyện nông thôn mới còn lại chưa đạt chuẩn gồm: tiêu chí số 1 *(Quy hoạch)*, tiêu chí số 2 *(Giao thông)*, tiêu chí số 5 *(Y tế, Văn hóa, Giáo dục)*, tiêu chí số 6 *(Sản xuất)*, tiêu chí số 7 *(Môi trường)*.

3.1. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a. Tiêu chí số 1 (Quy hoạch)

*** Nhiệm vụ:**

- Lập quy hoạch vùng huyện theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

*** Giải pháp:**

- Lựa chọn đơn vị xây dựng dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng bao gồm các nội dung: lập quy hoạch vùng, lập nhiệm vụ quy hoạch, thẩm định đồ án quy hoạch, quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch, công bố đồ án quy hoạch, chi phí khảo sát,... trình UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí.

- Tổ chức khảo sát, lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, 7, 8 của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

- Ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch và tổ chức công bố, công khai quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chỉ đạo các xã tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức điều chỉnh cắm mốc chỉ giới thực địa phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức quản lý tốt các quy hoạch đã có như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thương mại - dịch vụ, phát triển rừng,... để vận dụng triển khai đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

b. Tiêu chí số 2 (Giao thông)

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện bê tông hóa hoặc nhựa hóa 8 tuyến km đường huyện còn lại, chiều dài 51,18/189,65 km để đảm bảo tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng đạt 100%.

- Đầu tư nâng cấp bến xe khách trung tâm huyện đạt tối thiểu loại 4 đạt chuẩn theo quy định.

*** Giải pháp:**

- Kêu gọi, huy động nguồn vốn ODA, Trung ương, tỉnh, vốn vay từ Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn để ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng các

tuyến đường chật hẹp, hư hỏng, xuống cấp đi lại khó khăn, dễ gây tai nạn giao thông đảm bảo hệ thống giao thông trên địa bàn huyện kết nối đến các xã.

- Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường huyện theo quy hoạch GTVT và được phê duyệt tại Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của UBND huyện để đạt chuẩn 100% theo quy định, cụ thể: đường Hải Xuân - Hải Quy (ĐH.49b) 2,43km; đường Hải Dương - Hải Khê (ĐH.62a) 3,7/4,7km; đường Hải Phú - Hải Quy (ĐH.49a) 2,8km; đường Thị trấn - Bến Mưng (ĐH.54) 7,8/14km; đường Hải Chánh - Đá Bạc (ĐH.59) 10,25/10,75km; đường Xuân Lâm - Thượng Nguyên - K4 (ĐH.53) 1,9/6km; đường Thượng Xá-Dốc Son-Bến Lùng (ĐH.52) 5,0/8,6km; Đường K4 - Dốc Neo - 367 (ĐH.53a) 17,63km.

- Đầu tư nâng cấp bến xe Khách trung tâm huyện từ loại 6 lên tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm huyện, các xã có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

c. Tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục)

- *Văn hóa:* Xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. Khai thác hiệu quả công năng sử dụng nhà văn hóa thể thao huyện đáp ứng nhu cầu về thể thao, văn hóa, văn nghệ của nhân dân.

- *Giáo dục:* Triển khai dự án xây dựng trường Bùi Dục Tài hoặc hỗ trợ đầu tư các hạng mục của trường Trần Thị Tâm đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn từ 60% trở lên.

- *Y tế:* Tiếp tục chỉ đạo Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

*** Giải pháp:**

- *Văn hóa:* Tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ Chương trình MTQG xây dựng NTM *(theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Công văn số 439/UBND-CN ngày 11/2/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)* và nguồn vốn đấu giá QSD đất của huyện để xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể thao huyện với tổng diện tích 10.000 m^2, trong đó: có nhà thi đấu đa năng diện tích 3.000 m^2.

+ Ban hành nội quy, quy chế quản lý Trung tâm văn hóa thể thao huyện. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục và thể thao của nhân dân gắn với việc khai thác, sử dụng hiệu quả Trung tâm.

+ Tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội,... tạo kết nối với các xã theo yêu cầu tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- *Giáo dục:* Tiếp nhận dự án xây dựng trường Bùi Dục Tài đạt chuẩn quốc gia của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh giai đoạn 2019-2021. Dự kiến năm 2023, sẽ được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia nâng tổng số trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn huyện là 66,7% (quy định $\geq$ 60%).

+ Đề xuất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục của trường THPT Trần Thị Tâm *(nhà hiệu bộ, bàn ghế, thiết bị dạy học và sân thể thao trường)* đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy tại các trường THPT trên địa bàn. Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- *Y tế:* Tiếp tục chỉ đạo Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia *(Bệnh viện huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn hạng 3 vào năm 2008)* theo quy định. Tranh thủ nguồn vốn từ các chương trình, dự án, sự chỉ đạo, hỗ trợ trực tiếp từ Sở Y tế tỉnh Quảng Trị để xây dựng đội ngũ cán bộ y tế huyện đạt chuẩn, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế đảm bảo công tác khám chữa bệnh.

+ Quan tâm đến bảo hiểm y tế, đặc biệt là BHYT cho người nghèo, cao tuổi và trẻ em. Tiếp tục duy trì và từng bước nâng cao tỷ lệ đóng bảo hiểm y tế.

+ Nâng cấp sửa chữa các Trạm y tế đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Phối hợp, đề xuất cấp trên triển khai xây dựng mới 07 Trạm y tế từ nguồn vốn ODA, Chính phủ Italia do Sở Y tế làm chủ đầu tư, các Trạm y tế thuộc các xã: Hải Chánh, Hải Trường, Hải Sơn, Thị trấn Diên Sanh, Hải Lâm, Hải Xuân, Hải Quy.

d. Tiêu chí số 6 (Sản xuất)

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với sản phẩm lúa hữu cơ đảm bảo áp dụng đồng bộ, thống nhất cùng một quy trình sản xuất, có chứng nhận an toàn thực phẩm.

- Xây dựng mô hình liên kết gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng đối với sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch.

*** Giải pháp:**

- Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trong đó ưu tiên liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ với Công ty Cổ phần Nông sản hữu cơ Quảng Trị (Ong biển).

- Phối hợp với Công ty Ong Biển đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy để đưa vào hoạt động. Chỉ đạo các xã có điều kiện sản xuất lúa hữu cơ như: xã Hải Trường, thị trấn Diên Sanh, Hải Lâm, Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Phong, Hải Định, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Hưng... liên kết sản xuất với Công ty để hình thành vùng sản xuất nguyên liệu tập trung cho nhà máy, quy mô diện tích dự kiến khoảng 1.000 ha.

- Ngoài ra, chỉ đạo xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm chủ lực, cụ thể:

+ Liên kết tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (cam) tập trung ở các xã gò đồi như: Hải Phú, Hải Lâm, Hải Sơn... quy mô 150-200 ha.

+ Liên kết tiêu thụ sản phẩm rau củ quả tập trung vùng cát ở các xã: Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương, quy mô khoảng 100 ha.

+ Liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn.

+ Liên kết tiêu thụ sản phẩm nuôi bò lai.

+ Liên kết tiêu thụ sản phẩm nuôi cá nước ngọt.

e. Tiêu chí số 7 (Môi trường)

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng quy trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và thu gom chất thải rắn thông thường trên địa bàn huyện.

- Xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề theo quy định.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 03 Cụm công nghiệp theo hồ sơ môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt.

*** Giải pháp:**

- Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, thu gom rác thải, xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, phân loại và xử lý các loại chất thải rắn. Từng bước quy hoạch và đầu tư xây dựng để đưa các làng nghề, cơ sở giết mổ ra xa khu dân cư để tránh tình trạng ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá tác động môi trường, ký cam kết bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo xã Hải An, Hải Khê tổ chức hợp đồng, liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ như hiện nay.

- Chỉ đạo 7 làng nghề, làng nghề truyền thống lập phương án bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Huy động, kêu gọi sự hỗ trợ, đầu tư của cấp trên đối với việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 3 Cụm công nghiệp: thị trấn Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh. Đề nghị cấp trên xử lý 5 điểm gây ô nhiễm môi trường còn lại tại các Kho thuốc BVTV của các HTX sản xuất nông nghiệp: Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá và Công ty Vật tư nông nghiệp Triệu Hải *(cũ)* theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh đã phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm y tế huyện lập hồ sơ đăng ký để cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chỉ đạo xử lý dứt điểm 4 cơ sở tái chế bao bì tại thôn Long Hưng (Hải Phú) gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế tiến hành vận chuyển chất thải y tế nguy hại đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải (Cụm số 3) để xử lý theo quy định; triển khai thực hiện Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình Cụm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng 4 tiêu chí, 7 chỉ tiêu huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn giai đoạn 2016-2020 gồm: tiêu chí số 3 *(Thủy lợi)*, tiêu chí số 4 *(Điện)*, tiêu chí số 8 *(An ninh, trật tự xã hội)* và tiêu chí số 9 *(Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới)*, cụ thể:

4.1. Tiêu chí số 3 (Thủy lợi):

- Hiện nay hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, lúa của người dân; có hệ thống Nam Thạch Hãn phục vụ liên xã gồm: kênh N2 *(Hải Thượng, Hải Phú, Hải Lâm)*, kênh N4 *(Hải Quy, Hải Hưng, Hải Định)*, kênh N6 *(Hải Dương, Hải Ba, Hải Quế)* và Trạm bơm Hải Hòa phục vụ các xã: Hải Phong, Hải Chánh, Hải Dương phù hợp với quy hoạch. Tuy nhiên, riêng vùng cát và vùng gò đồi chưa đáp ứng theo yêu cầu, do đó cần vận động

người dân ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa... tùy điều kiện từng vùng đối với từng đối tượng cây trồng.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã đảm bảo hoạt động bền vững. Tập huấn, nâng cao nhận thức của người dân trong quá trình vận hành và quản lý các công trình thủy lợi.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống thủy lợi vùng sản xuất lúa tập trung chất lượng cao các xã phía Nam huyện Hải Lăng đã được phê duyệt tại Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Tranh thủ, huy động các nguồn vốn khác nhau để nâng cấp, gia cố chân hệ thống đê bao vùng trũng *(được đầu tư từ năm 2010, đến nay nhiều vị trí tuyến đê bị xói lở, nguy cơ mất an toàn)* đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt cho sản xuất.

- Đề xuất nguồn vốn cấp trên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp tuyến đê cát Ba-Quế-Dương *(hiện nay nhiều vị trí công trình bị hư hỏng)* để bảo vệ an toàn cho người dân, phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi các tuyến đường QL49C, ĐT582 bị ngập lụt chia cắt. Nâng cấp các hồ chứa: Miệu Duệ (Hải Thượng), hồ Khe Mương (Hải Sơn); các công trình thủy lợi, đê kè khác như: tuyến kênh tách nước cát Diên Khánh (Hải Dương), kênh tiêu Hạ Nghĩa Lam Thủy, kè chống xói lở sông Thác Ma giai đoạn 2, cống điều tiết Xuân Lộc, trạm bơm tưới tiêu Mỹ Chánh, An Nhơn.

4.2. Tiêu chí số 4 (Điện):

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ, Sở Công thương làm chủ đầu tư, các xã được hưởng lợi gồm: Hải An, Hải Khê, Hải Quế và Hải Hưng.

- Đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020 do Sở Công thương làm chủ đầu tư, nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh.

4.3. Tiêu chí số 8 (An ninh, trật tự xã hội):

- Chú trọng duy trì và phát triển sâu rộng phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc"* gắn với cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*. Phát huy tốt công tác người dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm. Không để phát sinh thêm tình hình về tội phạm hình sự, tội phạm ma túy,... đảm bảo tốt tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội khu dân cư.

- Không có tình trạng tập trung khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. Giải quyết kịp thời những bức xúc, những điểm nóng để hạn chế tối đa tình trạng bất ổn trong nhân dân.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Quân sự; dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

4.4. Tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới):

- Tổ chức kiện toàn BCĐ xây dựng NTM huyện, các Tổ chỉ đạo xã xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các xã kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý và Ban phát triển thôn phù hợp với thay đổi nhân sự sau Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025. Hằng năm, tổ chức kiện toàn bộ máy chỉ đạo, quản lý từ huyện đến

cơ sở, thôn để đảm bảo hoạt động xuyên suốt, hiệu quả trong quá trình chỉ đạo thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị huyện đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu huyện, xã NTM phù hợp với Bộ tiêu chí giai đoạn 2020-2025 *(nếu có)*.

- Kiện toàn, bổ sung bộ máy hoạt động của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện. Bố trí thêm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm từ các phòng, ban liên quan phục vụ nhiệm vụ xây dựng huyện NTM giai đoạn 2020-2025 và phù hợp với quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Vốn và nguồn vốn thực hiện

5.1. Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư xây dựng đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 là: 459.036,6 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới: 315.809 triệu đồng;

- Đầu tư 4 xã *(Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê)* đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 52.972,6 triệu đồng.

- Một số tiêu chí xã nông thôn mới cần duy trì đạt chuẩn: 90.255 triệu đồng.

5.2. Nguồn vốn và phân nguồn chi tiết

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 303.836,6 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 66,19%;

- Ngân sách huyện: 42.021,3 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 9,15%;

- Ngân sách xã: 11.200 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,44%;

- Lồng ghép chương trình, dự án: 67.355,7 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,67%;

- Vốn tín dụng: 4.300 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,94%;

- Huy động doanh nghiệp, HTX: 5.829 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,27%;

- Huy động nhân dân: 14.334,9 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,12%;

- Vốn khác: 10.179 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,22%.

*** Nguồn vốn có khả năng đáp ứng: 233.858 triệu đồng, cụ thể:**

- Nguồn vốn đầu tư, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã về đích nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 dự kiến: 400 triệu đồng/xã x 11 xã x 5 năm = 22.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến tỉnh hỗ trợ cho 4 xã *(Hải Định, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê)* đăng ký về đích NTM giai đoạn 2021-2025: 21.200 triệu đồng:

+ Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ cho 4 xã hoàn thiện các tiêu chí còn lại chưa đạt chuẩn dự kiến: 4.000 triệu đồng/xã x 5 xã = 20.000 triệu đồng;

+ Thưởng công trình phúc lợi cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới: 300 triệu đồng/xã x 4 xã = 1.200 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của huyện do tỉnh phân bổ: 8.500 triệu đồng/năm x 5 năm = 42.500 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3.000 triệu đồng/năm x 5 năm = 15.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm của huyện phân bổ để xây dựng huyện nông thôn mới: 29.367 triệu đồng.

- Ngân sách trực tiếp của huyện phân bổ: 12.654,3 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các hạng mục đã có Quyết định hoặc chủ trương đầu tư: 88.871 triệu đồng, bao gồm: Trung tâm VH-TT huyện 15.533 triệu đồng; trường THPT Bùi Dục Tài 33.386 triệu đồng; xử lý môi trường 5 kho thuốc còn lại *(HTX Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá, Công ty VTNN Triệu Hải cũ)* 15.000 triệu đồng; xử lý nước thải CCN Diên Sanh 24.952 triệu đồng.

- Nguồn vốn ODA của Chính phủ Italia hỗ trợ xây dựng Trạm y tế xã Hải Chánh đạt chuẩn 2.265,7 triệu đồng.

* **Nguồn vốn chưa đáp ứng: 225.178,6 triệu đồng**, cần có sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương, tỉnh, nguồn vốn tín dụng và các chương trình, dự án khác.

(Chi tiết phụ lục 07 đính kèm)

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Năm 2020

- Chỉ đạo các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí, chỉ tiêu huyện NTM, xã NTM và xây dựng kế hoạch cụ thể để tham gia xây dựng huyện nông thôn mới.

- Chỉ đạo rà soát, tính toán nhu cầu nguồn lực và ban hành Đề án huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025. Lồng ghép tổ chức hội nghị quán triệt triển khai các nội dung xây dựng huyện nông thôn mới.

- Khảo sát, lập dự toán và quy hoạch vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt để đạt tiêu chí số 1 *(Quy hoạch)*. Chỉ đạo các xã rà soát điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ đạo xã Hải Phong hoàn thành hồ sơ, quy trình, thủ tục đề nghị UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; xã Hải Thượng về đích NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức làm việc với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 về kế hoạch, lộ trình xây dựng NTM kiểu mẫu. Chỉ đạo các xã chưa đạt chuẩn NTM hoàn thành mục tiêu không còn xã đạt dưới 16 tiêu chí NTM theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Chỉ đạo thôn Đại An Khê *(Hải Thượng)* và thôn Hưng Nhơn *(Hải Phong)* xây dựng *"điểm"* thôn NTM kiểu mẫu. Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và triển khai nhân rộng xây dựng thôn NTM kiểu mẫu. Phấn đấu đến năm 2025 huyện có ít nhất 25% số thôn *(17 thôn)* về đích NTM kiểu mẫu.

2. Năm 2021

- Tổ chức Lễ phát động xây dựng đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 gắn với phong trào thi đua *"Hải Lăng chung sức xây dựng nông thôn mới"*. Kêu gọi, huy động các nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các hạng mục công trình trong Đề án.

- Triển khai thi công các công trình giao thông tuyến huyện chưa đạt chuẩn, các công trình khác theo kế hoạch sau khi được cấp trên hỗ trợ kinh phí thực hiện.

- Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp đảm bảo đến năm 2025 huyện có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch; đồng thời áp dụng đồng bộ cùng một quy trình sản xuất, có chứng nhận an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo xã Hải Định xây dựng về đích nông thôn mới. Chỉ đạo 2 xã: Hải Phú, Hải Dương về đích NTM kiểu mẫu; riêng xã Hải Phú cần tập trung xử lý triệt để 4 cơ sở tái chế bao bì gây ô nhiễm môi trường tại thôn Long Hưng để đạt chuẩn xã kiểu mẫu. Chỉ đạo xã Hải Thượng tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2020.

- Chỉ đạo 5 thôn theo kế hoạch xây dựng về đích NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích kiểu mẫu *(Hải Phú, Hải Dương)* phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức làm việc với cấp trên về kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải các cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

3. Năm 2022

- Chỉ đạo xã Hải An xây dựng về đích nông thôn mới; 100% số thôn của xã Hải An đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí dành cho các thôn thuộc vùng bãi ngang ven biển. Chỉ đạo xã Hải Phong xây dựng về đích NTM kiểu mẫu.

- Chỉ đạo 2 xã: Hải Phú, Hải Dương tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và xã Hải Định tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2021.

- Chỉ đạo 5 thôn tiếp theo theo kế hoạch xây dựng về đích thôn NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích NTM kiểu mẫu *(Hải Phong)* phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới các xã.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao huyện giai đoạn 2 và các thủ tục liên quan đề nghị công nhận Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. Tiếp nhận và đưa vào sử dụng trường THPT Bùi Dục Tài khi tỉnh hoàn thành đầu tư; đồng thời, hoàn thành các thủ tục liên quan đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

4. Năm 2023

- Chỉ đạo 2 xã: Hải Khê, Hải Chánh đạt chuẩn xã nông thôn mới; các thôn của xã Hải Khê đạt chuẩn thôn NTM theo quy định dành cho các thôn thuộc vùng bãi ngang ven biển. Chỉ đạo xã Hải Hưng xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chỉ đạo xã Hải Phong tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và xã Hải An tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2022.

- Chỉ đạo 5 thôn tiếp theo theo kế hoạch xây dựng về đích thôn NTM kiểu mẫu, trong đó đối với xã đăng ký về đích NTM kiểu mẫu *(Hải Hưng)* phải có ít nhất 30% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác chỉnh trang nông thôn, *"ngày nông thôn mới"*, *"ngày thứ bảy tình nguyện vì nông thôn mới"* và xây dựng tuyến đường kiểu mẫu của xã, thôn. .

- Tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả, tiến độ triển khai xây dựng huyện nông thôn mới; rà soát các chỉ tiêu về: xã NTM kiểu mẫu, xã NTM và thôn NTM kiểu mẫu.

5. Năm 2024

- Tiếp tục chỉ đạo, khuyến khích các xã đã đạt chuẩn NTM và các thôn còn lại trên địa bàn huyện phấn đấu xây dựng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2024-2025.

- Chỉ đạo xã Hải Hưng tổ chức lễ công bố xã nông thôn mới kiểu mẫu và 2 xã: Hải Khê, Hải Chánh tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn NTM năm 2023.

- Tiếp tục chỉ đạo các xã về đích NTM kiểu mẫu, các xã về đích NTM tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn.

- Đẩy mạnh công tác chỉnh trang nông thôn, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu, tuyến đường hoa của xã. Thành lập các đoàn kiểm tra của huyện để đánh giá, công nhận tuyến đường kiểu mẫu của các xã theo kế hoạch đã đăng ký.

- Chỉ đạo các ngành theo từng lĩnh vực hoàn thiện hồ sơ về đích nông thôn mới trình Trung ương, tỉnh thẩm định công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

6. Năm 2025

Tổ chức Lễ công bố đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Tổ chức Hội nghị tổng kết chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, triển khai kế hoạch giai đoạn 2026-2030. Từng bước nâng cao các tiêu chí huyện NTM, xã NTM đạt theo chuẩn mới.

(Chi tiết tại phụ lục 07 đính kèm)

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan; các xã khảo sát, đánh giá các tiêu chí huyện, xã nông thôn mới và tham mưu UBND huyện ban hành Đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025.

- Tham mưu BCĐ xây dựng NTM huyện, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và các xã triển khai thực hiện tốt Đề án sau khi ban hành. Hàng năm, tham mưu ban hành kế hoạch chi tiết, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện các cơ quan, đơn vị, các xã. Kịp thời nắm thông tin và đề xuất các giải pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, theo dõi quá trình xây dựng tuyến đường kiểu mẫu, thực hiện chỉnh trang nông thôn, ngày nông thôn mới của các xã đã đăng ký theo phụ lục 06 kèm theo của Đề án. Báo cáo Thường trực BCĐ xây dựng NTM huyện UBND huyện đối với những trường hợp thiếu thường xuyên, chậm tiến độ và không đạt kế hoạch đã đăng ký.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định các hạng mục công trình nguồn vốn NTM của các xã đảm bảo quá trình đầu tư phù hợp với lộ trình các tiêu chí NTM theo Đề án của huyện và Kế hoạch của xã.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM liên quan, bao gồm: tiêu chí số 3 (Thủy lợi), tiêu chí số 6 (Sản xuất) của Bộ tiêu chí huyện NTM; tiêu chí số 3 (Thủy lợi), tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất) và chỉ tiêu 17.1 của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các xã điều chỉnh, bổ sung đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với sản xuất lúa hữu cơ đảm bảo áp dụng đồng bộ, thống nhất một quy trình sản xuất và có chứng nhận đầy đủ về an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo xây dựng mô hình liên kết gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng đối với sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch. Phối hợp, hướng dẫn 2 xã: Hải An, Hải Khê thành lập HTX hoạt động hiệu quả theo luật HTX năm 2012. Trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ 3 xã: Hải Chánh, Hải An, Hải Khê xây dựng ít nhất 01 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo bền vững để đạt chuẩn tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất).

- Tiếp nhận và tập huấn, hướng dẫn người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghệp, làm tốt công tác bảo quản sau thu hoạch và đặc biệt ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa... đối với sản xuất nông nghiệp vùng cát và vùng gò đồi theo từng đối tượng cây trồng.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các xã phát triển kinh tế kinh tế hộ, kinh tế trạng trại, hợp tác xã, tổ hợp tác. Tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách của huyện để thúc đẩy sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM liên quan, bao gồm: tiêu chí số 1 (Quy hoạch), tiêu chí số 2 (Giao thông), tiêu chí số 4 (Điện) của Bộ tiêu chí huyện NTM; tiêu chí số 1, 2, 4, 7, 9 và 17.4 của Bộ tiêu chí xã NTM.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo hoàn thiện các loại quy hoạch, xây dựng quy hoạch tổng thể vùng huyện đảm bảo theo yêu cầu của tiêu chí. Hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thực hiện và quản lý tốt công tác quy hoạch được phê duyệt.

- Hàng năm, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và các xã được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện cứng hóa các tuyến đường giao thông đã được duyệt trong Đề án này; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các xã đầu tư xây dựng các tuyến giao thông của xã quản lý theo đúng mục tiêu để đảm bảo đạt chuẩn NTM.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các xã điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch XD NTM, quy chế quản lý quy hoạch giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Chỉ đạo tổ chức điều chỉnh cắm mốc chỉ giới thực địa phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát các xã trong việc xây dựng các công trình NTM đảm bảo theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành điện rà soát, kiểm tra hệ thống lưới điện trên địa bàn. Báo cáo, đề xuất nâng cấp hệ thống lưới điện xuống cấp, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu về điện của nhân dân để phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan để tham mưu UBND huyện cân đối và phân bổ nguồn ngân sách huyện đối ứng thực hiện hoàn thành mục tiêu Đề án đã đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với VPĐP xây dựng NTM huyện thẩm định các hạng mục công trình NTM hàng năm đảm bảo đầu tư phù hợp với lộ trình thực hiện các tiêu chí NTM theo kế hoạch của huyện, xã.

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế đặc thù xây dựng NTM đảm bảo quy định; có sự tham gia giám sát, thực hiện của cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới.

- Hàng năm, cân đối ngân sách huyện để tiếp tục bố trí kinh phí hoạt động của BCĐ xây dựng NTM huyện, Tổ chỉ đạo xã XD NTM, VPĐP xây dựng NTM huyện và các nguồn chi khác phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM liên quan, bao gồm: tiêu chí số 7 (Môi trường) của Bộ tiêu chí huyện NTM; tiêu chí số 17 (trừ chỉ tiêu 17.1, 17.4, 17.8) của Bộ tiêu chí xã NTM.

- Tham mưu UBND huyện tổ chức làm việc với Sở TN&MT, các Sở, ngành liên quan của tỉnh; các xã (Hải Quy, Hải Hưng, Hải Định, Hải Chánh, Hải Phú, Hải Thượng, thị trấn Diên Sanh) về vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường các kho thuốc của 5 HTX (Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá, Công ty VTNN Triệu Hải *(cũ)*) và xử lý nước thải các cụm công nghiệp Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh và cơ sở tái chế bao bì ở Long Hưng.

- Hướng dẫn Trung tâm y tế huyện lập hồ sơ đăng ký để cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định. Chỉ đạo, hướng dẫn 7 làng nghề, làng nghề truyền thống lập phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

- Hướng dẫn xã Hải An, Hải Khê tổ chức hợp đồng liên kết với các đơn vị vận chuyển rác thải để đưa đến điểm tập kết xử lý theo quy định thay thế việc xử lý tại chỗ như hiện nay.

- Tham mưu UBND huyện ban hành quy trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và thu gom chất thải rắn thông thường trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá tác động môi trường, ký cam kết bảo vệ môi trường.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM liên quan, bao gồm: chỉ tiêu 5.3 (Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn)

của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; tiêu chí số 5, 14 (chỉ tiêu 14.1, 14.2) của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường: THPT Bùi Dục Tài, Trần Thị Tâm và THPT Hải Lăng trong quá trình xây dựng trường học đạt chuẩn và thường xuyên báo cáo UBND huyện biết, chỉ đạo.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các xã về tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp trên công nhận trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đối với các trường chưa đạt chuẩn hoặc hết thời hạn công nhận đạt chuẩn. Có giải pháp cụ thể giúp đỡ các xã: Hải Chánh, Hải An, Hải Định và các xã khác trong việc huy động nguồn vốn đối ứng xây dựng công trình trường học đảm bảo phù hợp với tỷ lệ đối ứng theo quy định hiện hành.

7. Phòng Y tế huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM liên quan, bao gồm: chỉ tiêu 5.1 (Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia) của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; tiêu chí số 5, chỉ tiêu 17.8 của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

- Tham mưu UBND huyện tổ chức làm việc với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan về việc hỗ trợ xây dựng 7 Trạm y tế tại xã: Hải Chánh, Hải Trường, Hải Sơn, Thị trấn Diên Sanh, Hải Lâm, Hải Xuân, Hải Quy nguồn vốn ODA của Chính phủ Italia; từ đó có lộ trình, phương án đầu tư đạt chuẩn đảm bảo tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới.

- Quan tâm đến bảo hiểm y tế, đặc biệt BHYT cho người nghèo, cao tuổi và trẻ em. Chỉ đạo tiếp tục duy trì và từng bước nâng cao tỷ lệ đóng bảo hiểm y tế.

8. Các cơ quan chuyên môn khác thuộc huyện: Xây dựng Kế hoạch cụ thể và thực hiện tốt các nội dung của Đề án thuộc lĩnh vực ngành phụ trách. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các xã thực hiện các tiêu chí NTM đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung của huyện, định kỳ hàng quý báo cáo kết quả về UBND huyện *(qua VPĐP xây dựng NTM huyện)*.

9. Đề nghị UBMTTQVN huyện, các đoàn thể huyện phối hợp UBND huyện thực hiện phát động toàn huyện triển khai phong trào thi đua xây dựng đạt chuẩn huyện NTM giai đoạn 2020-2025. Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, đóng góp xây dựng NTM. Xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội về xây dựng NTM.

10. Ban chỉ đạo xây dựng NTM, UBND các xã

- Căn cứ Đề án của huyện để ban hành Kế hoạch của xã đảm bảo hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025. Thực hiện công khai, dân chủ về các nội dung, kế hoạch triển khai để người dân biết và tham gia thực hiện; đảm bảo không huy động quá sức dân và không nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Việc lựa chọn hạng mục ưu tiên đầu tư, mức huy động vốn trong dân, kế hoạch chi tiết cho từng nội dung, từng năm phải do UBND xã chủ trì lấy ý kiến trong cộng đồng và trình HĐND xã thông qua trước khi đề xuất cấp trên phê duyệt.

Đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 là một chủ trương lớn, mang tính tổng thể thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025 và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, UBND huyện đề nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị, xã hội, các cấp, các ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân và nhân dân toàn huyện chung tay, quyết tâm hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 đã đề ra./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Sở KH&ĐT, NN&PTNT, VPĐP NTM tỉnh;
- TT BCĐ XD NTM huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- BCĐ XD NTM, UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PVP, TH;
- Lưu: VT, NTM$_N$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Phạm Đình Lợi

Phụ lục 01: HIỆN TRẠNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI KHI BẮT ĐẦU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

TT	Xã	Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ																		Kết quả thực hiện theo Đề án 302/ĐA-UBND
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	TLLĐ	TCSX	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường	TC chính trị	An ninh	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
1	Hải Thượng				x	x			x					x		x	x		x	x	8
2	Hải Phú				x	x	x		x					x			x			x	7
3	Hải Lâm				x		x							x		x	x			x	6
4	Hải Ba						x	x	x					x		x	x		x	x	8
5	Hải Tân				x				x					x		x	x			x	6
6	Hải Quy				x				x					x		x	x			x	6
7	Hải Xuân				x									x		x					3
8	Hải Vĩnh					x								x			x			x	4
9	Hải Hòa			x	x		x							x			x			x	6
10	Hải Trường				x				x					x						x	4
11	Hải Sơn								x					x		x	x			x	5
12	Hải Chánh				x				x					x		x	x			x	6
13	Hải Quế								x					x			x			x	4
14	Hải Dương													x		x	x			x	4
15	Hải Thành													x						x	2
16	Hải Thiện			x										x			x			x	4
17	Hải Thọ				x			x	x					x						x	5
18	Hải An				x									x			x			x	4
19	Hải Khê				x				x					x			x				4
Tổng		0	0	2	12	3	4	2	11	0	0	0	0	19	0	9	15	0	2	17	96
Bình quân																					5,05

Phụ lục 02: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Trước khi sáp nhập)

TT	Xã	Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017																		Kết quả thực hiện (3/2020)
		Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ lợi	Điện	Trường học	CSVC VH	Cơ sở hạ tầng TMNT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	TCSX	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá	Môi trường ATTP	Tổ chức chính trị và tiếp cận PL	QP AN	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
1	Hải Thượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		18
2	Hải Phú	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	18
3	Hải Lâm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
4	Hải Ba	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
5	Hải Tân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
6	Hải Quy	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	15
7	Hải Xuân	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	16
8	Hải Vĩnh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
9	Hải Hòa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
10	Hải Trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
11	Hải Sơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
12	Hải Chánh	x		x	x			x		x	x	x	x		x		x		x	x	12
13	Hải Quế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	18
14	Hải Dương	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
15	Hải Thành	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	17
16	Hải Thiện	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	16
17	Hải Thọ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
18	Hải An	x	x	x	x			x	x	x	x		x		x	x	x		x		13
19	Hải Khê	x	x	x	x			x	x	x	x		x		x	x	x		x	x	14
Tổng		**19**	**16**	**19**	**19**	**14**	**13**	**18**	**18**	**19**	**19**	**17**	**19**	**13**	**19**	**18**	**19**	**14**	**18**	**17**	**328**
Bình quân																					**17,26**

Phụ lục 03: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Khi sáp nhập)

TT	Xã	Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017																		Kết quả thực hiện (3/2020)
		Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ lợi	Điện	Trường học	CSVC VH	Cơ sở hạ tầng TMNT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	TCSX	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn Hoá	Môi trường ATTP	Tổ chức chính trị và tiếp cận PL	QP AN	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
1	Hải Thượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		18
2	Hải Phú	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	18
3	Hải Lâm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
4	Hải Ba	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
5	Hải Phong	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
6	Hải Quy	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	15
7	Hải Hưng	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	16
8	Hải Trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
9	Hải Sơn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
10	Hải Chánh	x		x	x			x		x	x	x	x		x		x		x	x	12
11	Hải Quế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	18
12	Hải Dương	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19
13	Hải Định	x		x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	16
14	Hải An	x	x	x	x			x	x	x	x		x		x	x	x		x		13
15	Hải Khê	x	x	x	x			x	x	x	x		x		x	x	x		x	x	14
Tổng		15	13	15	15	10	9	14	14	15	15	13	15	10	15	14	15	10	14	13	254
Bình quân																					16,93

Phụ lục 4: ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

TT	Nội dung	Yêu cầu	Hiện trạng	Đánh giá tiêu chí *(đạt/không đạt)*	Diễn giải
I	**Xã đạt chuẩn NTM**	**100% số xã**	**Huyện có 63,16% số xã đạt chuẩn nông thôn mới**		
1	Các xã đã đạt chuẩn	Duy trì đạt chuẩn	Toàn huyện có 12/19 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 63,16%	Chưa đạt	Trong số 12 xã đạt chuẩn có 3 xã bị sụt giảm tiêu chí gồm: **xã Hải Thượng:** Tiêu chí số 19 *(Quốc phòng và An ninh)*; **xã Hải Phú:** Tiêu chí số 17 *(Môi trường và ATTP)*; **xã Hải Quế:** tiêu chí số 18 *(Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật)*.
2	Các xã chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Sau khi sáp nhập huyện còn 15 xã, 1 thị trấn. Dự kiến cuối năm 2020 có thêm 2 xã Hải Quy, Hải Hưng đạt chuẩn NTM nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn huyện lên 11 xã. Như vậy dự kiến sẽ còn 4 xã chưa đạt chuẩn bao gồm: Hải Định *(Hải Thiện, Hải Thành)*, Hải Chánh, Hải An, Hải Khê.	Chưa đạt	- Đối với xã Hải Hưng, Hải Quy, UBND tỉnh Quảng Trị đã thống nhất hỗ trợ cho 2 xã đăng ký về đích NTM năm 2020 tại văn bản số 6037/UBND-NN ngày 30/12/2019, cụ thể: xã Hải Xuân: 3.752 triệu đồng; Hải Quy: 3.983 triệu đồng.
			**** Đánh giá chung:***	*Chưa đạt*	
II	**Tiêu chí cấp huyện**	**Đạt 9 tiêu chí cấp huyện**	**Huyện đạt đạt 4/9 tiêu chí, 6/14 chỉ tiêu huyện nông thôn mới**		
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	- Chưa có quy hoạch vùng huyện theo quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Đã có Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 2165/QĐ-UBND ngày 07/11/2012. Đã có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh. - Quy hoạch phát triển KT-XH huyện Hải Lăng đến năm 2020 đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành NN và yêu cầu về XD NTM giai đoạn 2016-2020; hiện đã phát triển 03 CCN *(Diên Sanh, Hải Chánh, Hải Thượng)*. Các điểm TMDV trên địa bàn huyện đã được phê duyệt và hình thành như điểm TMDV và dân cư xã Hải Trường, Hải Thượng, Hải Vĩnh (cũ); Xây dựng và phát triển các dịch vụ logistic theo quy hoạch Khu Kinh tế Đông Nam. - Đã ban hành Chương trình hành động số 45-CTr/HU ngày 31/01/2018 thực hiện NQ số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển đô thị giai đoạn 2016-2021, định hướng đến năm 2025. Đô thị thị trấn Hải Lăng là đô thị loại V, được phê duyệt đồ án quy hoạch tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 25/5/2003 của UBND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh cục bộ tại tại Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 09/10/2008, hiện nay đang trình Sở Xây dựng thẩm định, UBND tỉnh xem xét thẩm định điều chỉnh quy hoạch chung theo hướng mở rộng địa giới hành chính thành thị trấn Diên Sanh. Đô thị khu vực La Vang được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1085/QĐ-UBND ngày 26/5/2017, UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; Tiếp tục huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng đô thị Mỹ Chánh, Mỹ Thủy và đô thị mới Trung tâm hành chính Khu KT Đông Nam Quảng Trị. - Đồ án Quy hoạch chung xây dựng NTM của 19 xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến 2020, đồng thời được điều chỉnh, bổ sung theo quy định.	*Chưa đạt*	Huyện cần xây dựng quy hoạch tổng thể vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt để đạt tiêu chí này. Bên cạnh đó, cần điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, đề án xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	*a. Đường bộ* - Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được cứng hóa đạt 73,01% *(138,47/189,65km)*. - Cấp kỹ thuật đường huyện đạt từ cấp VI+IV đồng bằng theo TCVN 4054:2005 phù hợp với quy hoạch được duyệt. - Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. - Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.	Chưa đạt	Cần nhựa hóa hoặc bê tông hóa 50,98 km đường huyện còn lại để đảm bảo tỷ lệ mặt đường huyện được cứng hóa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.
			b. Đường thủy Đường thuỷ nội địa có tuyến sông Ô Lâu do Sở GTVT quản lý hiện nay đã lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.	Đạt	
			c. Vận tải Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt loại 6; điểm đỗ, điểm dừng hiện nay mới có quy hoạch 01 điểm tại Chợ thị trấn Hải Lăng.	Chưa đạt	Cần đầu tư xây dựng, nâng cấp bến xe khách tại Trung tâm huyện theo quy hoạch tối thiểu đạt loại 4 để đạt chỉ tiêu này.
			**** Đánh giá chung***	***Chưa đạt***	
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	***a. Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được duyệt*** - Hệ thống Nam Thạch Hãn phục vụ liên xã trên địa bàn huyện Hải Lăng: + Kênh N2: Hải Phú, Thượng, Lâm + Kênh N4: Hải Quy, Xuân, Vĩnh, Thiện, Thành + Kênh N6: Hải Ba, Quế, Dương - Trạm bơm Hải Hòa: Phục vụ cho các xã Hải Hòa, Hải Tân, Hải Chánh, Hải Dương.	Đạt	Thường xuyên rà soát chất lượng các công trình thủy lợi để duy tu, bão dưỡng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo an toàn cho cuộc sống người dân trước các mùa mưa bão.
			b. Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững - Được thành lập theo quy định hiện hành: + Hệ thống kênh N2, N4, N6 của Nam Thạch Hãn có tổ chức quản lý từ Xí nghiệp đến các cụm phụ trách các tuyến kênh + Trạm bơm Hải Hòa: Có Ban quản lý trạm bơm được thành lập và tổ chức hoạt động - Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý: + Đối với hệ thống kênh N2, N4, N6 của NTH: Có các tổ quản lý thuộc các cụm đảm bảo quản lý khai thác đúng kế hoạch điều tiết nước của Xí nghiệp Nam Thạch Hãn + Trạm bơm Hải Hòa: Ban quản lý trạm bơm tổ chức quản lý khai thác theo kế hoạch của huyện trong tiêu nước phù hợp với kế hoạch gieo cấy của từng HTX - Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt: Hàng năm tổ chức quản lý khai thác điều thực hiện tốt phương án bảo vệ công trình đảm bảo hoạt động bền vững.	Đạt	
			**** Đánh giá chung:***	***Đạt***	

4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo QH, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Hiện nay các công trình hệ thống điện Trung, Hạ áp liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch ngành điện, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công thương.	*Đạt*	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	- Bệnh viện huyện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 vào năm 2008.	Đạt	
			- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ y tế: Hiện nay Trung tâm y tế đã sáp nhập với Bệnh viện huyện.	Đạt	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	- Huyện chưa có Trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn do đó cần đầu tư xây dựng mới Trung tâm Văn hóa, thể dục thể thao huyện để đạt chuẩn theo yêu cầu của tiêu chí.	Chưa đạt	UBND tỉnh đã có chủ trương hỗ trợ 15,533 triệu đồng để xây dựng, trong đó: - Có chủ trương hỗ trợ giai đoạn 1 (2021-2025) tại văn bản số 439/UBND-CN ngày 11/2/2020 14 tỷ đồng, gồm: Vốn NTM 6 tỷ đồng, NS tỉnh tập trung 8 tỷ đồng. - Năm 2020, UBND tỉnh phân bổ vốn ngân sách tỉnh thông qua xây dựng NTM tại VB số 3770/QĐ-UBND, trong đó hỗ trợ xây dựng Trung tâm VHTT huyện: 1,533 tỷ đồng.
			- Huyện có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.	Đạt	
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn (quy định ≥ 60%)	Trên địa bàn huyện có 3 trường trung học phổ thông gồm: THPT Hải Lăng, THPT Bùi Dục Tài, THPT Trần Thị Tâm. Trong đó chỉ có 01 trường THPT Hải Lăng đã đạt chuẩn Quốc gia; trường THPT Trần Thị Tâm và trường THPT Bùi Dục Tài đang xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025. Đạt tỷ lệ 33,33%.	Chưa đạt	- Trường THPT Bùi Dục Tài, UBND tỉnh đã có Quyết định phê duyệt dự án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại QĐ số 949/QĐ-UBND ngày 02/5/2019. - Sau khi trường THPT Bùi Dục Tài được công nhận đạt chuẩn quốc gia thì huyện sẽ có 66,7% số trường THPT đạt chuẩn và sẽ đạt chỉ tiêu này.
			** Đánh giá chung*	*Chưa đạt*	

6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	***a. Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện:***	Chưa đạt	Xây dựng kế hoạch và ban hành các chính sách hỗ trợ, thu hút liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để đạt tiêu chí này.
			Quy mô diện tích tập trung đất trồng lúa, màu rộng lớn liên vùng giữa các xã	Đạt	
			Áp dụng chưa đồng bộ thống nhất cùng một quy trình sản xuất; sản phẩm còn chưa được chứng nhận an toàn thực phẩm	Chưa đạt	
			Sản xuất trồng trọt nhất là cây lúa được cơ giới hoàn toàn trong khâu làm đất, thu hoạch	Đạt	
			b. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch	Chưa đạt	
			Huyện chưa có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch.	Chưa đạt	
			**** Đánh giá chung***	***Chưa đạt***	
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	***a. Có đề án hoặc kế hoạch hoặc phương án quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt và triển khai thực hiện.*** - UBND huyện ban hành Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 23/4/2019 về phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2019-2025. - Huyện có 75 tổ thu gom; thành lập Trung tâm MTĐT huyện chuyên tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn. Chất thải rắn sinh hoạt của người dân được các tổ thu gom đến các điểm tập kết quy định *(đã xây dựng 89 điểm tập kết rác)* và hợp đồng với đơn vị vận chuyển đưa đi xử lý (17 xã), riêng 02 xã *(Hải An và Hải Khê)* tự xử lý tại chỗ chưa đảm bảo. Tỷ lệ hộ tham gia thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đạt 92,2%. - Đã bố trí 670 bể thu gom bao bì thuốc BVTV trên đồng ruộng ở tất cả các xã. - Chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 về việc phê duyệt KH thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Chưa đạt	- Cần xây dựng quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Xây dựng quy trình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. - Xử lý ô nhiễm môi trường Kho thuốc HTX Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá, Công ty vật tư nông nghiệp Triệu Hải (cũ) theo Quyết định phê duyệt số 2249/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh.

7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	***b. Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường*** - Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện hiện có bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh của huyện tại thôn Tân Diên, xã Hải Thọ (cũ), cách trung tâm huyện 6 km. Bãi được thiết kế hợp vệ sinh (tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về bãi chôn lấp chất thải rắn (TCXDVN 261:2001), có diện tích 6,3 ha, gồm 5 ô chôn lấp chất thải sinh hoạt với tổng diện tích các ô chôn lấp là 33.796m2, thời gian vận hành 10 năm. - Các lò đốt chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện không có. Các lò đốt chất thải rắn y tế tại các trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng 14/20 trạm y tế nhưng đã ngừng hoạt động, thực hiện vận chuyển về Trung tâm Y tế huyện xử lý với hình thức đốt theo quy định tại Quyết định số 78/QĐ-UBND, ngày 16/01/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (nay hết hiệu lực thực hiện).	Chưa đạt	- Chỉ đạo các làng nghề, nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn lập hồ sơ, phương án bảo vệ môi trường. - Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện lập lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. - Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung 3 Cụm công nghiệp: Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh. Riêng đối với CCN Diên Sanh, UBND tỉnh đã ban hành QĐ số 1135/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 phê duyệt dự án. - Xử lý ô nhiễm môi trường 04 cơ sở tái chế bao bì tại thôn Long Hưng, Hải Phú.
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	- Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện theo đối tượng quy định đã được lập hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành. Riêng Công ty TNHH MTV Gỗ Thu Hằng chưa lập hồ sơ môi trường do thay đổi chủ trương đầu tư, nâng công suất. - Toàn huyện có 7 làng nghề, làng nghề nguyên thống cần phải lập Phương án bảo vệ môi trường làng nghề, theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ TN&MT về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Tuy nhiên, đến nay chỉ có 2 xã Hải Quế, Hải Ba đã lập hồ sơ bảo vệ môi trường trình UBND huyện phê duyệt.	Chưa đạt	
			- Các cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt và theo Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng chưa lập lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. - Cơ sở tái chế bao bì của gia đình Bùi Đình Toan thuộc danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định 930/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 30/2018/NQ-HĐND, ngày 08/12/2018 về việc thông qua "Đề án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị", đến nay chưa triển khai phương án xử lý. - Còn lại 05 điểm: Kho thuốc HTX SXNN Quyết Tiến, Kho thuốc thôn Thi Ông, Kho thuốc của Công ty vật tư nông nghiệp Triệu Hải (cũ), Kho thuốc tại thôn Thượng Xá, Kho thuốc tại thôn Phước Điền chưa được xử lý.		
			**** Đánh giá chung***	*Chưa đạt*	

8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	- Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh trật tự, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. - Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. - Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các loại tội phạm xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước. - Lực lượng vũ trang huyện *(Công an, quân sự, dân quân tự vệ)* luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương. Công an huyện được Công an tỉnh công nhận "Đơn vị tiên tiến".	Đạt	Công an huyện, Quân sự huyện xây dựng kế hoạch để duy trì đạt chuẩn tiêu chí về an ninh, trật tự xã hội.
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	- Có Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện. Có Quyết định thành lập 19 Tổ chỉ đạo xã xây dựng nông thôn mới huyện. - Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên tại Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 31/2/2014 của Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện Hải Lăng. - Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên phạm vi địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. - Chỉ đạo việc ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. - Chỉ đạo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện;	Đạt	Tổ chức kiện toàn BCĐ XD NTM huyện để phù hợp với thay đổi nhân sự hiện nay.
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của UBND huyện Hải Lăng, có ban hành quy chế hoạt động tại Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND huyện Hải Lăng; đảm bảo theo Quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đã cử 01 Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực nông nghiệp làm Chánh văn phòng; Trưởng phòng NN&PTNT huyện làm Phó Chánh văn phòng và 01 công chức chuyên trách NTM huyện. - Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Cần bố trí thêm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
			**** Đánh giá chung***	***Đạt***	

Phụ lục 5: HIỆN TRẠNG CHUNG CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Y tế, Văn hóa, Giáo dục	Sản xuất	Môi trường	An ninh, trật tự xã hội	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	63,16%

Phụ lục 06: PHÂN CÔNG XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG KIỂU MẪU, NGÀY NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025

TT	Đơn vị	Ngày nông thôn mới	Tuyến đường kiểu mẫu	Chiều dài *(m)*
1	Hải Phú	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường từ cổng chào thôn Phú Hưng đến giáp Phú Lệ A	1.200
2	Hải Thượng	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 3	Tuyến 1: Đường ĐT584, đoạn từ ngã tư Long Hưng đến điểm giáp đường bê tông lên nghĩa trang liệt sĩ xã; Tuyến 2: Đường Thượng-Xuân, đoạn từ ngã tư La Vang đến ngã tư Thượng Xá.	3.000
3	Hải Quy	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường trục xã từ cầu Lá Buồm Trâm Lý đến giáp đường Phú Quy	1.200
4	Hải Hưng	Ngày Thứ Bảy, tuần thứ 4	Tuyến đường từ Trường Mầm non Hải Xuân đến chợ Trà lộc	1.000
			Tuyến đường từ cầu Lam Thủy đến cầu Thi Ông	1.100
5	Hải Ba	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường liên xã từ cổng làng Phương Lang đến hết làng Đa Nghi	5.000
6	Hải Quế	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến từ cổng chào xã đến trụ sở UBND xã Hải Quế	700
7	Hải Dương	Ngày thứ Bảy, tuần thứ 1	Tuyến từ cổng chào thôn Diên Khánh đến trụ sở UBND xã	250
8	Hải Định	Ngày thứ Bảy, tuần thứ 4	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã Hải Thành (cũ) đến trạm bơm xóm Phường	600
			Tuyến ĐT582, đoạn từ UBND xã Hải Thiện (cũ) đến HTX Thiện Tây	700
9	Hải Lâm	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 2	Tuyến đường liên thôn Xuân Lâm đến thôn Thượng Nguyên	2.000
10	Hải Trường	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 3	Tuyến từ cầu Bến Đá đến cổng chào Xóm Trằm	1.000
11	Hải Sơn	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường Sơn-Tân-Hòa, đoạn từ quốc lộ 1A đến cổng Làng Hà Lộc	1.700
12	Hải Chánh	Ngày thứ Bảy, tuần thứ 1	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã, đoạn từ cầu lòn đến Trường THCS	1.500
13	Hải Phong	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường từ cổng chào thôn Câu Nhi đến chợ Hải Tân	1.100
			Tuyến đường từ cổng chào thôn An Thơ đến Trạm Y tế xã	1.000
14	Hải An	Ngày thứ Bảy, tuần thứ 4	Tuyến đường ĐT582 đoạn từ trụ sở xã đến giáp đường dọc bãi tắm Mỹ Thủy	900
15	Hải Khê	Ngày Chủ nhật, tuần thứ 4	Tuyến đường từ nhà ông Ba đến nhà ông Ánh	500
Tổng				**24.450**

Phụ lục 7: NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
A	**TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI** **Huyện còn 5/9 tiêu chí chưa đạt** *(Đánh giá theo Quyết Định số 558 ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)*		**315.809,0**	**248.829,7**	**9.482,3**	**21.867,0**	**0,0**	**35.500,0**	**0,0**	**0,0**	**80,0**	**50,0**		
1	**Tiêu chí số 1 (Quy hoạch)**		**2.250,0**	**2.250,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2020-2021**	*NSNN hỗ trợ 100%*
-	Khảo sát, lập Quy hoạch vùng huyện Hải Lăng	Toàn huyện	1.500,0	1.500,0									2020-2021	
-	Tổ chức rà soát, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch, đề án XD NTM giai đoạn 2021-2025	15 xã nông thôn mới	750,0	750,0									2020-2021	Hỗ trợ 50 triệu/xã
2	**Tiêu chí số 2 (Giao thông)**		**93.323,0**	**84.340,7**	**8.982,3**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		*NSNN hỗ trợ 100%*
-	Đường Hải Xuân - Hải Quy (ĐH.49b)	Dài 2,43km. BTXM. Nền 7m, mặt 5m	3.888,0	3.499,2	388,8								2021-2023	Đề xuất Trung ương, tỉnh hỗ trợ 90%; huyện đối ứng 10% để thực hiện tiêu chí giao thông
-	Đường Hải Dương - Hải Khê (ĐH.62a)	Dài 3,7km. BTXM. Nền 6,5m, mặt 3,5m	5.920,0	5.328,0	592,0								2021-2023	
-	Nâng cấp, mở rộng Đường Hải Phú - Hải Quy (ĐH.49a)	Dài 2,8km. Bê tông nhựa. Nền 6m, mặt 3,5m	3.000,0	2.700,0	300,0								2021-2023	
-	Đường thị trấn - Bến Mưng (ĐH.54)	Dài 7,8km. Bê tông nhựa. Mặt 3,5m, nền 6,5m	13.260,0	11.934,0	1.326,0								2021-2025	
-	Đường Hải Chánh - Đá Bạc (ĐH.59)	Dài 10,25km. Bê tông nhựa. Nền 9m, mặt 6m	17.425,0	15.682,5	1.742,5								2021-2025	
-	Đường Xuân Lâm - Thượng Nguyên - K4 (ĐH.53)	Dài 1,9km. Bê tông nhựa. Nền 5m, mặt 5m	3.230,0	2.907,0	323,0								2021-2023	
-	Đường Thượng Xá - Dốc Sơn - Bến Lúng (ĐH.52)	Dài 5,0km. Bê tông nhựa.Nền 6,5m, mặt 3,5m	8.500,0	7.650,0	850,0								2021-2023	
-	Đường K4 - Dốc Neo - 367 (ĐH.53a)	Dài 17,3km. Bê tông nhựa. Nền 5m, mặt 3,5m	34.600,0	31.140,0	3.460,0								2021-2025	
-	Nâng cấp bến xe khách trung tâm huyện đạt chuẩn loại 4 theo quy định	Diện tích 2.500m2	3.500,0	3.500,0									2021-2023	Đề xuất Sở GTVT
3	**Tiêu chí số 5 (Y tế, Văn hóa, Giáo dục)**		**114.536,0**	**57.079,0**	**0,0**	**21.867,0**	**0,0**	**35.500,0**	**0,0**	**0,0**	**40,0**	**50,0**		
3.1	*Văn hóa*		*37.400,0*	*15.533,0*	*0,0*	*21.867,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*2020-2022*	
-	Xây dựng Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện	10.000 m2 *(trong đó: Nhà thi đấu đa năng 3.000m2)*	37.400,0	15.533,0		21.867,0							2020-2022	- Tỉnh đã có chủ trương hỗ trợ gđ 1 tại VB số 439/UBND-CN ngày 11/2/2020 14 tỷ đồng + 1,533 tỷ đồng nguồn NTM năm 2020 tại QĐ số 3770/QĐ-UBND. - Huyện đã bố trí 5,61 tỷ đồng kế hoạch vốn năm 2020 tại QĐ 1076 nguồn quỹ đất.
3.2	*Giáo dục*		*43.936,0*	*41.546,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*2.300,0*	*0,0*	*0,0*	*40,0*	*50,0*	*2019-2022*	
-	Xây dựng hệ thống nước sạch trường THPT Trần Thị Tâm	Nước máy phòng thực hành, nhà vệ sinh	50,0									50,0	2022	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THPT Trần Thị Tâm	2 tầng, 10 phòng	10.000,0	8.000,0				2.000,0					2022	Quy định 80:20
-	Bàn ghế, thiết bị dạy họcTHPT Trần Thị Tâm		200,0	160,0							40,0		2022	
-	Sân thể thao trường THPT Trần Thị Tâm		300,0					300,0					2022	

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
-	Xây dựng trường THPT Bùi Dục Tài	Nhà hiệu bộ 2 tầng, 627,4m2. Nhà học chính, học bộ môn 3.726,7m2; công trình phụ trợ khác	33.386,0	33.386,0									2019-2021	Tỉnh đã có QĐ số 949 ngày 02/5/2019 phê duyệt dự án và QĐ số 633 ngày 9/3/2020 phê duyệt kế hoạch KH nhà thầu đợt 2
3.3	*Y tế*		***33.200,0***	***0,0***	***0,0***		***0,0***	***33.200,0***	***0,0***	***0,0***	***0,0***	***0,0***	***2021-2025***	
-	Xây dựngdãy nhà Khoa nội lây và Khoa ngoại tổng hợp	Trung tâm y tế huyện	22.000,0					22.000,0					2021-2025	Huy động các nguồn vốn của chương trình, dự án khác
-	Xây mới hệ thống xử lý nước thải	Trung tâm y tế huyện	1.200,0					1.200,0					2021-2025	
-	Xây dựng mới khu nhà hệ Dự phòng	Trung tâm y tế huyện	10.000,0					10.000,0					2021-2025	
4	**Tiêu chí số 6 (Sản xuất)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Cần áp dụng đồng bộ thống nhất cùng một quy trình sản xuất; các sản phẩm phải được chứng nhận an toàn thực phẩm		0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021-2025	Không đề xuất kinh phí tiêu chí này. Hằng năm, hỗ trợ kinh phí thực hiện thông qua các chính sách cây trồng, con nuôi của tỉnh, huyện; các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp khác.
-	Cần có các mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm chủ lực của huyện theo quy hoạch		0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021-2025	
5	**Tiêu chí số 7 (Môi trường)**		**105.700,0**	**105.160,0**	**500,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**40,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Xử lý ô nhiễm môi trường các kho thuốc của 5 HTX	HTX Quyết Tiến, Thi Ông, Phước Điền, Thượng Xá, Công ty VTNN Triệu Hải (cũ)	15.000,0	15.000,0									2021-2022	UBND tỉnh đã có QĐ 2249/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 phê duyệt với tổng kinh phí 24.452 triệu đồng. Đến nay, còn 5/9 kho thuốc chưa được xử lý
-	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung các cụm Công nghiệp	CCN Diên Sanh, Hải Thượng, Hải Chánh	90.000,0	90.000,0									2021-2025	Kinh phí 30 tỷ đồng/CCN. Riêng CCN Diên Sanh, UBND tỉnh đã có QĐ 1135/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 phê duyệt tổng kinh phí 24.952 triệu đồng, tuy nhiên đến nay chưa thực hiện.
-	Xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường tại xã Hải Phú	4 cơ sở, Long Hưng	200,0	160,0							40,0		2021	
-	Xây dựng quy trình thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng và quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện	Toàn huyện	500,0		500,0								2021	
B	**NHU CẦU VỐN 4 XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN GIAI ĐOẠN 2021-2025** *(Đánh giá theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017)*		**52.972,6**	**32.071,9**	**3.172,0**		**3.700,0**	**2.835,7**	**0,0**	**829,0**	**5.334,9**	**5.029,0**		
(a)	**Xã Hải Chánh (còn 7 tiêu chí chưa đạt)**		**23.259,6**	**12.646,9**	**432,0**		**1.600,0**	**2.265,7**	**0,0**	**0,0**	**4.384,9**	**1.930,0**		**Dự kiến về đích năm 2023**
1	**Tiêu chí số 2 (Giao thông)**		**6.529,9**	**3.264,9**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**3.264,9**	**0,0**	**2021-2023**	Quy định 50:50
-	BTH đường trục chính thôn tại thôn Câu Nhi, Hội Kỳ, Tân Trung, Xuân Lộc	1,08 km	717,1	358,6							358,6		2021-2022	Quy định 50:50
-	BTH đường ngõ xóm các thôn trên địa bàn xã	8,109 km	5.287,8	2.643,9							2.643,9		2021-2022	Quy định 50:50
-	Đổ cấp phối đường giao thông nội đồng tại các thôn: Câu Nhi, Vân Phong, Tân Trung, Vực Kè, Mỹ Chánh	1,75 km	525,0	262,5							262,5		2023	Quy định 50:50
2	**Tiêu chí số 5 (Trường học)**		**8.400,0**	**6.720,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**1.680,0**	**2021-2022**	
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường TH Tân Lương	2 tầng, 6 phòng	4.800,0	3.840,0								960,0	2021	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập điểm trường THCS	2 tầng, 4 phòng	3.600,0	2.880,0								720,0	2022	Quy định 80:20

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
3	**Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)**		**4.900,0**	**2.030,0**	**0,0**	**0,0**	**1.600,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**1.120,0**	**150,0**	**2021-2023**	
-	Xây dựng sân thể thao xã Hải Chánh	10.800m^2	500,0	350,0								150,0	2021	Quy định 70:30
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Mỹ Chánh	250 m2, 120 chỗ ngồi	1.500,0				1.500,0						2023	Xã chủ động nguồn đầu đất xã
-	Nâng cấp nhà văn hóa 2 thôn: Hội Kỳ, Tây Chánh	200m2/thôn	1.000,0	600,0							400,0		2022	Quy định 60:40
-	Xây dựng nhà vệ sinh của nhà văn hóa 3 thôn: Xuân Lộc, Nam Chánh, Tân Phong	10m2/thôn	300,0	180,0							120,0		2022	
-	Xây dựng sân thể thao thôn 5 thôn: Nam Chánh, Tây Chánh, Tân Phong, Hội Kỳ, Xuân Lộc	1.000m2/thôn	1.500,0	900,0							600,0		2023	Quy định 60:40
-	Mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em	Tại sân thể thao xã	100,0				100,0						2021	
4	**Tiêu chí số 8 (Thông tin và Truyền thông)**		**300,0**	**200,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**100,0**	**2020**	
-	Đầu tư mới Đài truyền thanh xã	1 bộ	300,0	200,0								100,0	2020	Quy định NSNN hỗ trợ ≤ 200 tr.đ
5	**Tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất)**		**0,0**										**2020-2021**	
-	Xã chưa có mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		0,0										2020-2021	
6	**Tiêu chí số 15 (Y tế)**		**2.265,7**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**2.265,7**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hải Chánh	Nhà 2 tầng, cấp III, diện tích 268m2, cao 9,35m	2.265,7					2.265,7					2021-2025	Đã có QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi CP Italy
7	**Tiêu chí số 17 (Môi trường và ATTP)**		**0,0**										**2021-2025**	
-	Xã chủ động xây dựng KH thực hiện để đạt tiêu chí này		0,0										2021-2025	
8	Khác		**864,0**	**432,0**	**432,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	480 người/5 năm	864,0	432,0	432,0								2021-2025	Để tiếp tục thực hiện Đề án 1956
(b)	**Xã Hải Định (còn 3 tiêu chí chưa đạt)**		**10.962,0**	**5.587,0**	**1.162,0**		**1.100,0**	**0,0**	**0,0**	**829,0**	**380,0**	**1.904,0**		**Dự kiến đăng ký về đích 2021**
1	**Tiêu chí số 2 (Giao thông)**		**1.818,0**	**909,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**829,0**	**80,0**	**0,0**	**2021**	
-	BTH tuyến đường trục thôn đạt chuẩn 85% theo quy định	200 m	160,0	80,0							80,0		2021	Quy định 50:50
-	Cứng hóa cấp phối các tuyến đường trục chính nội đồng	8,29 km	1.658,0	829,0						829,0			2021	Quy định 50:50
2	**Tiêu chí số 5 (Trường học)**		**7.200,0**	**3.760,0**	**1.000,0**		**1.000,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**100,0**	**1.340,0**	**2021-2023**	
-	Phòng học tập điểm trường THCS Hải Định	2 tầng, 6 phòng; KV Hải Thiện	4.800,0	2.840,0	500,0		500,0				50,0	910,0	2021	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm Tiểu học Hải Định	2 tầng, 4 phòng; KV Hải Thiện	2.400,0	920,0	500,0		500,0				50,0	430,0	2023	Quy định 80:20
3	**Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)**		**1.620,0**	**756,0**	**0,0**	**0,0**	**100,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**200,0**	**564,0**	**2021**	
-	Xây dựng sân nhà văn hóa thôn Trung Đơn phụ vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em	500m2	760,0	300,0							100,0	360,0	2021	Quy định 60:40, hỗ trợ ≤ 300 tr.đ
-	Xây dựng sân thể thao thôn Phước Điền	1.500m2	760,0	456,0							100,0	204,0	2021	Quy định 60:40
-	Mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em	Tại sân thể thao xã	100,0				100,0						2021	
4	Khác		**324,0**	**162,0**	**162,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2023**	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	180 người/3 năm	324,0	162,0	162,0								2021-2023	Để tiếp tục thực hiện Đề án 1956
©	**Xã Hải An (còn 6 tiêu chí chưa đạt)**		**17.681,0**	**13.073,0**	**1.443,0**		**900,0**	**570,0**	**0,0**	**0,0**	**500,0**	**1.195,0**		**Dự kiến đăng ký về đích 2022**
1	**Tiêu chí số 5 (Trường học)**		**11.400,0**	**8.830,0**	**1.200,0**	**0,0**	**800,0**	**570,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2023**	

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
-	Phòng phục vụ học tập điểm THCS Hải An	2 tầng, 6 phòng	4.800,0	4.060,0	300,0		200,0	240,0					2023	Quy định 95:5
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải An	2 tầng, 4 phòng	2.400,0	1.780,0	300,0		200,0	120,0					2023	Quy định 95:5
-	Phòng phục vụ học tập điểm trường Mầm non Tây Tân An	5 phòng	3.000,0	2.350,0	300,0		200,0	150,0					2023	Quy định 95:5
-	Phòng làm việc điểm trường Mầm non Tây Tân An	6 phòng	1.200,0	640,0	300,0		200,0	60,0					2023	Quy định 95:5
2	**Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)**		**5.795,0**	**4.000,0**	**0,0**	**0,0**	**100,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**500,0**	**1.195,0**	**2021-2025**	
-	Xây dựng mới nhà văn hóa xã Hải An tại khu tái định cư	402,15m2, 220 chỗ ngồi	2.195,0	1.000,0								1.195,0	2021-2025	Theo thiết kế mẫu ban hành kèm theo QĐ số 19 ngày 07/01/2016
-	Xây dựng sân thể thao xã Hải An tại thôn Mỹ Thủy	11.000 m2	1.000,0	900,0							100,0		2021-2025	Quy định 90:10
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thuận Đầu	197,58m2, 120 chỗ ngồi	1.000,0	900,0							100,0		2021-2025	Theo thiết kế mẫu ban hành kèm theo QĐ số 19 ngày 07/01/2016
-	Xây dựng sân thể thao thôn Đông Tân An	1.000 m2	500,0	400,0							100,0		2021-2025	Quy định 80:20
-	Xây dựng sân thể thao thôn Tây Tân An	1.000 m2	500,0	400,0							100,0		2021-2025	Quy định 80:20
-	Xây dựng sân thể thao thôn Thuận Đầu	1.000 m2	500,0	400,0							100,0		2021-2025	Quy định 80:20
-	Mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em	Tại sân thể thao xã	100,0				100,0						2021-2025	Ngân sách xã chủ động
3	**Tiêu chí số 11 (Hộ nghèo)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2020**	
-	Xã còn 80 hộ, chiếm tỷ lệ 5,76%		0,0										2020	Xã chủ động xây dựng KH đạt chuẩn trong năm 2020
4	**Tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021**	
-	Xã cần thành lập mới HTX; tiếp tục phát triển mô hình liên kết của THT thu mua hải sản Hải An		0,0										2021	Thành lập HTX hoạt động hiệu quả để công nhận đạt chuẩn
5	**Tiêu chí số 17 (Môi trường và ATTP)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Xã chủ động xây dựng KH thực hiện để đạt tiêu chí này		0,0										2021-2025	
6	**Tiêu chí số 19 (Quốc phòng và An ninh)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Xã chủ động xây dựng KH thực hiện để đạt tiêu chí này		0,0										2021-2025	
7	**Khác**		**486,0**	**243,0**	**243,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2024**	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	270 người/4 năm	486,0	243,0	243,0								2021-2024	Để tiếp tục thực hiện Đề án 1956
(d)	**Xã Hải Khê (còn 5 tiêu chí chưa đạt)**		**1.070,0**	**765,0**	**135,0**		**100,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**70,0**	**0,0**		**Dự kiến đăng ký về đích 2023**
1	**Tiêu chí số 5 (Trường học)**	Trường Mầm non; TH&THCS xã Hải Khê	**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		**2020**	Thuộc DA Khu tái định cư Hải Khê tổng mức đầu tư 44,5 tỷ
2	**Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)**		**800,0**	**630,0**	**0,0**		**100,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**70,0**	**0,0**	**2020**	
-	Xây dựng sân thể thao, khán đài xã tại thôn Trung	15.000m2	700,0	630,0							70,0		2020	Quy định 90:10
-	Mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ vui chơi, giải trí cho người cao tuổi và trẻ em	Tại sân thể thao xã	100,0				100,0						2020	Ngân sách xã chủ động
3	**Tiêu chí số 11 (Hộ nghèo)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2020**	
-	Xã còn 39 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 5,05%		0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2020	Xã chủ động xây dựng KH đạt chuẩn trong năm 2020
4	**Tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021**	
-	Xã cần thành lập mới HTX và xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ		0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021	Thành lập HTX hoạt động hiệu quả để công nhận đạt chuẩn
5	**Tiêu chí số 17 (Môi trường và ATTP)**		**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Xã chủ động xây dựng KH thực hiện để đạt tiêu chí này		0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021-2025	
6	**Khác**		**270,0**	**135,0**	**135,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2023**	

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	150 người/3 năm	270,0	135,0	135,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021-2023	Đề tiếp tục thực hiện Đề án 1956
C	**MỘT SỐ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CẦN DUY TRÌ ĐẠT CHUẨN**		**90.255,0**	**22.935,0**	**0,0**	**7.500,0**	**7.500,0**	**29.000,0**	**4.300,0**	**5.000,0**	**8.920,0**	**5.100,0**		
I	**Tiêu chí số 5 (Trường học)**		**44.600,0**	**20.680,0**	**0,0**	**7.500,0**	**7.500,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**8.920,0**	**0,0**	**2021-2025**	**Quy định 80:20**
	Mầm non													
-	Phòng phục vụ học tập trường Mầm non Hải	2 tầng, 4 phòng	3.500,0	1.800,0		500,0	500,0				700,0		2022	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập trường Mầm non Hải	2 tầng, 4 phòng	3.600,0	1.880,0		500,0	500,0				720,0		2023	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập trường Mầm non Hải Phong	2 tầng, 4 phòng	3.600,0	1.880,0		500,0	500,0				720,0		2023	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập trường Mầm non Hải Hưng	2 tầng, 4 phòng	3.600,0	1.880,0		500,0	500,0				720,0		2023	Quy định 80:20
	Tiểu học													
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải Phú	2 tầng, 4 phòng	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2024	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm Tiểu học Hải Trường (Trung Trường)	2 tầng, 6 phòng	4.000,0	2.200,0		500,0	500,0				800,0		2024	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập, hỗ trợ học tập điểm Tiểu học Hải Phong (Cảng Hải Hòa)	2 tầng, 4 phòng	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2022	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải Hưng	2 tầng, 4 phòng; KV Hải Quy	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2022	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hưng	2 tầng, 4 phòng; KV Hải Xuân	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2024	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường Tiểu học Hải Ba (Phương Lang)	2 tầng, 4 phòng	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2021	Quy định 80:20
	THCS													
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập, phòng làm việc điểm trường THCS Hải Phú	2 tầng, 6 phòng	3.200,0	1.560,0		500,0	500,0				640,0		2025	Quy định 80:20
-	Phòng phục vụ học tập trường THCS Hải Trường	2 tầng, 6 phòng	4.800,0	2.840,0		500,0	500,0				960,0		2022	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường THCS Hải Hưng	2 tầng, 4 phòng; KV Hải Quy	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2025	Quy định 80:20
-	Phòng học tập, hỗ trợ học tập điểm trường THCS Hải Ba	2 tầng, 4 phòng	2.400,0	920,0		500,0	500,0				480,0		2023	Quy định 80:20
-	Bể bơi trường THCS Hải Thượng	250m2	1.500,0	200,0		500,0	500,0				300,0		2021	Quy định 80:20
II	**Tiêu chí số 11 (Hộ nghèo)**		**4.600,0**	**100,0**	**0,0**		**0,0**	**2.700,0**	**1.800,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Truyền thông Hộ nghèo	20 lớp/1.500 người	100,0	100,0									2021-2025	Đề xuất tiếp tục hỗ trợ kinh phí thực hiện trong Chương trình
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	300 hộ	4.500,0					2.700,0	1.800,0				2021-2025	
III	**Tiêu chí số 12 (Lao động có việc làm)**		**3.250,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2.500,0**	**0,0**	**0,0**	**750,0**	**2021-2025**	
-	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo đi XKLĐ	50 lao động/5 năm	750,0									750,0	2021-2025	Kinh phí Sự nghiệp, thường
-	Hộ nghèo vay vốn đi XKLĐ qua Ngân hàng CSXH	50 lao động/5 năm	2.500,0						2.500,0				2021-2025	Vốn tín dụng NHSC; CTMTQG giảm nghèo bền vững;
IV	**Tiêu chí số 14 (Giáo dục)**		**1.125,0**	**1.125,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Làm công tác phổ cập giáo dục toàn xã	15 xã	1.125,0	1.125,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2021-2025	75 triệu đồng/5 năm/xã. Hằng năm, Trung ương có bố trí vốn sự nghiệp nguồn NTM để thực hiện tiêu chí này
V	**Tiêu chí số 15 (Y tế)**		**10.500,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**6.300,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**4.200,0**	**2021-2025**	
-	Xây dựng mới 5 trạm Y tế xã	Hải Sơn, Hải Trường, Hải Lâm, Hải Xuân, Hải Quy	10.500,0	0,0	0,0		0,0	6.300,0	0,0	0,0	0,0	4.200,0	2021-2025	Đã có các QĐ của tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán từng xã. Nguồn vốn tài trợ CP Italy
VI	**Tiêu chí số 17 (Môi trường và ATTP)**		**25.000,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**20.000,0**	**0,0**	**5.000,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	

STT	Hạng mục/công trình	Quy mô, địa điểm	Nhu cầu đầu tư để đạt chuẩn										Năm thực hiện	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó										
				Ngân sách trực tiếp				Lồng ghép các CT, DA	Vốn tín dụng	Huy động DN, HTX	Vốn huy động dân	Khác		
				TW, tỉnh	Huyện		Xã							
					NS TT	Quỹ đất								
-	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung xã Hải Hưng	737 hộ	7.500,0					6.000,0		1.500,0			2021-2025	CT nước sạch nông thôn; công ty cấp nước, DN đầu tư, tài trợ Ngos
-	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung xã Hải Quy	958 hộ	7.500,0					6.000,0		1.500,0			2021-2025	"
-	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung xã Hải Chánh	1.757 hộ	10.000,0					8.000,0		2.000,0			2021-2025	"
VII	**Tiêu chí số 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận**		**150,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**150,0**	**2021-2025**	
-	Tập huấn nâng cao năng lực bình đẳng giới	20 lớp/1.200 người	150,0									150,0	2021-2025	
VIII	**Tiêu chí số 19 (Quốc phòng và An ninh)**		**1.030,0**	**1.030,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**2021-2025**	
-	Camera an ninh lắp đặt tại các thôn	5 cái/xã	81,8	81,8									2021-2025	
-	Các thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác ngành CA		948,3	948,3									2021-2025	
D	**TỔNG CỘNG (A+B+C)**		**459.036,6**	**303.836,6**	**12.654,3**	**29.367,0**	**11.200,0**	**67.335,7**	**4.300,0**	**5.829,0**	**14.334,9**	**10.179**		